



NHỮNG LỜI VÀO THỰC TẠI TỐI HẬU

Dudjom Lingpa



Dudjom Lingpa

NHỮNG LỜI VÀO THỰC TẠI TỐI HẬU

Dudjom Lingpa

Chỉ dạy để làm hiển lộ rõ ràng Khuôn Mặt

Xưa Nay như là Đại Toàn Thiện,

cũng tức là Bản Tánh Cố Hữu

Richard Barron dịch từ tiếng Tây Tạng

dưới sự hướng dẫn của

Chagdud Tulku Rinpoche

Buddhahood Without Meditation

Dudjom Lingpa

Padma Publishing, 1994

NHỮNG LỜI VÀO THỰC TẠI TỐI HẬU

Nguyễn An Cư dịch

NXB. THIÊN TRI THỨC

MỤC LỤC

Giới thiệu.....	8
PHẬT QUẢ KHÔNG THIÊN ĐỊNH	24
Chương I: Tánh Không của mọi sự vật	30
Chương II: Thể nhập vào Như Huyền.....	39
Chương III: Bảy đặc tính như kim cương của hư không. 46	
Chương IV: Thể nhập tính cách như mộng của tánh Không	52
Chương V: Những thần linh và ma quỷ chỉ là sự hóa hiện của tâm thức	64
Chương VI: Thực tại vốn lià các hình tướng.....	72
Chương VII: Chuyển sanh tử và niết bàn về cùng một nền tảng	80
Chương VIII: Những hình tướng xuất hiện như thế nào? 84	
Chương IX: Không, Vô tướng, Vô nguyên	97
Chương X: Tánh Giác và những biểu lộ của nó.....	104
Chương XI: Lý do thực hành những quán tưởng bốn tôn và các cõi tịnh độ.....	116
Chương XII: Những danh hiệu của thực tại tối hậu	120
Chương XIII: Con đường Đại Toàn Thiện	128
Chương XIV: Phân biệt trí và thức.....	136
Lời bạt	144

PHÂN TÍCH VÀ PHÁC HỌA CƠ CẤU..... 146

GIỚI THIỆU

Chagdud Tulku

Pháp thân, thực thể bao la của sự thanh tịnh nguyên sơ và không có thời gian;

Báo thân, thực thể toàn bộ bao la của một phổ diễn không dứt của những bốn tôn hòa bình và hung nộ.

Hóa thân thực thể bao la điều phục chúng sanh theo cách cần thiết:

Con lễ lạy với lòng sùng mộ Dudjom Lingpa, bậc điều phục cho chúng sanh.

Hỡi đáng bảo vệ, dù những phẩm tính của ngài không thể diễn tả đầy đủ,

Con sẽ viết ngắn gọn gương mẫu đời ngài để mở cửa cho những người trong chúng con tâm trí nhỏ nhưng với lòng tin

Đi vào sự rạng rỡ của lời ngài tuyệt diệu, cam lộ của lời khuyên tâm linh sâu xa.

Những bốn tôn và những vị thầy, xin ban phước lành cho nhiệm vụ của con!

Trong quá khứ lâu xa, để đem đến lợi lạc cho giáo lý và chúng sanh, vị thầy pháp thân vĩ đại Vajradhara biểu hiện trong những tri giác của những người cần được điều phục, trong hình thức một vị vua của những thiên giả tên là Nüdan Dorje. Vị thiên giả thần lực này đã ban quán đánh như một vị trị vì tâm linh của ba cõi và đã cầu nguyện với ý nguyện lớn lao để làm lợi lạc cho chúng sanh, ban quán đánh cho một ngàn vị Phật tương lai của kiếp này. Ngài cầu nguyện, “Cho đến khi những giáo lý của một ngàn vị Phật của kiếp may mắn này chấm dứt, nguyện những hóa thân lưu xuất của tôi sẽ xuất hiện không ngừng, hoàn thành lợi lạc bao la cho những chúng sanh cần được điều phục!”

Thần lực của lời nguyện này khiến hàng trăm hóa thân lưu xuất của ngài làm lợi lạc cho chúng sanh bất cứ nơi nào hoàn

cảnh đúng hợp. Trong những hóa thân lưu xuất đó có Thanh Văn Xá Lợi Phất trong thời của đạo sư của chúng ta là Phật Thích Ca Mâu Ni, và tiếp theo là bậc nắm giữ tánh giác vốn sẵn Hungchhenkara, dịch giả Drogban Khye'u-chung Lotsa, Dampa Desheg, người sáng lập tu viện Kathog, Khamagpa của thị tộc Grum và Hepa Chhøjung, cũng như Dudjom Dorje, Duddul Rolpatzal và nhiều thân lưu xuất khác bảo đảm cho hạnh phúc của chúng sanh.

Đặc biệt là đạo sư Padmakara, hiểu biết ngài bao trùm ba thời, đã thúc dục một hóa thân xuất hiện như là sứ giả của ngài, một bậc bảo vệ cho chúng sanh trong thời tâm linh suy đồi. Theo lệnh của ngài, Dudjom Lingpa đã được thành thai giữa những dấu hiệu kỳ diệu trong lòng một phụ nữ thị tộc họ Nub. Bà mẹ ngài cảm thấy hạnh phúc về thể chất và tinh thần trong thời kỳ mang thai ngài, và có những điềm tốt khi ngài được sanh ra không khó khăn trong một lều nhỏ. Toàn bộ chỗ ấy được phủ đầy những cầu vòng và điểm ánh sáng, những mùi hương lạ tỏa ra và một cơn mưa hoa rơi xuống. Năm 1835, năm con cừu, ngày mồng mười tháng giêng, lễ kỷ niệm sự phô bày những phép lạ của đức Phật, thân tướng của ngài với những tướng chính và phụ ra đời. Mọi người quanh vùng nói rằng một hiện thân đã được sanh ra. Nhiều bậc thánh như Lama Jigmed ca tụng em bé như một hóa thân cao cả không gì sánh được và tiên tri rằng em bé đó sẽ hoàn thành những việc

lớn lao cho người khác.

Trong ba năm đầu tiên của đời mình, ngài thấy những chúng hội dakini và những thần bảo hộ giữ gìn trông coi ngài với ca hát, nhảy múa và chơi nhạc. Ngài cũng thấy nhiều trận đánh của những quân ma gây trở ngại cho những thần có nhiệm vụ bảo vệ ngài. Những người khác đôi khi cũng thấy và nghe được điều xảy ra.

Về sau, Dudjom Lingpa kể lại một điều xảy ra lúc ngài ba tuổi: “Tôi thấy mẹ tôi sửa soạn đi ra ngoài để nhật những củ ăn được và bà cột tôi vào sợi dây cột lều và bỏ tôi lại. Tôi bắt đầu khóc và muốn ngất đi khi tôi thấy một dakini màu trắng, bà nói với tôi, “Chúng ta hãy đi tới mẹ.” Với câu nói đó, tôi thấy đầy đủ thực thể của một cõi tịnh độ tỏa ánh sáng màu ngọc bích, nhiều hệ thế giới ở phương bắc. Ở trung tâm của cõi này là một vị Phật, một bậc điều ngự thành tựu và siêu việt có danh hiệu là Don Mizawai Gyalpo (Vua Không Ngần Ngại), có vô số bồ tát bao quanh. Tôi lễ lạy các vị với lòng sùng mộ và nói:

Cung kính đánh lễ!

Đại diện cao cả của tất cả những bộ Phật và những mạn đà la

Con đánh lễ ngài, hồi bậc chiến thắng mỹ mãn và siêu việt!

Xin hãy giải thoát cho con và những người khác, mọi chúng sanh trôi dạt trong vòng sanh tử -

Xin giải thoát chúng con khỏi biển cả hữu vi và truyền cho chúng con cảm hứng.

“Khi tôi đã cầu nguyện bằng những lời này, những tia sáng năm màu tỏa ra từ tim của bậc chiến thắng và tan vào tim tôi, ngay lúc đó tôi kinh nghiệm tánh giác nguyên sơ của an lạc và tánh Không không thể tách lìa. Từ miệng của Như Lai đến với tôi những lời nói, ‘Con của ta, ta ca ngợi con như là nhiếp chính của ta. Ta ban cho con những quán đánh của lối tiếp cận mật chú của Kim Cương thừa. Con đã đạt được những thành tựu (siddhi) bình thường và cao cả.’ Nói xong, ngài đặt một cái tráp pha lê trong hai tay tôi. Trong đó có những âm *Om Ah Hung*, màu trắng, đỏ và xanh theo thứ tự. Ngài nói, ‘Những cái này giống như một món thừa kế từ sự giàu có của người cha tâm linh của con, thế nên hãy nuốt chúng không để lại gì.’ Khi tôi nuốt chúng, nhiều chủ đề của Phật pháp và những trí nhớ sống động về những đời trước trở nên rõ ràng với tôi, cũng như sự nhớ lại những giáo lý tôi đã nghe, tư duy và thiền định về chúng.

“Vào một dịp khác một dakini đưa tôi đến Oddiyana, cõi của những dakini, nơi đó tôi gặp Vajravarahi, vị cao nhất trong

những dakini. Từ tay ngài phát ra bốn âm sinh lực của những dakini (*Ha Ri Ni Sa*), và tôi mặc một áo giáp bảo vệ làm bằng những tia sáng. Lúc đó, từ đầu vú phải của ngài một âm *Bam* phóng đến và tan vào tim tôi và khiến tôi chiến thắng mọi chướng ngại. Tôi đạt được sự làm chủ những năng lực tâm linh và những khả năng thần thông. Những dakini để lộ mặt cho tôi thấy, ban cho tôi cam lồ từ chén sọ của các vị và nói những lời tiên tri về sự cần thiết phải nương dựa vào những vị thầy tâm linh của tôi. Tất cả cùng một lúc, hàng trăm cánh cửa mở ra để được nghe và tư duy về những giáo lý.”

Quán Thế Âm, bồ tát cao cả của lòng từ, giữ gìn cho Dudjom Lingpa khi làm một bạn đồng hành, mang hình thức một cậu bé da sáng, đẹp trai và trẻ trung. Văn Thù Sư Lợi, Sư Tử của Ngũ, chăm sóc cho ngài, khiến cho năng lực của trí huệ siêu việt cháy sáng trong ngài. Thêm nữa, ngài được chăm sóc và ban phước bởi những hiện thân của tánh giác nguyên sơ như là những bốn tôn và đức thầy: Đấng của những bí mật Vajrapani, đại thành tựu giả Saraha, tám vị nắm giữ vĩ đại tánh giác vốn sẵn, Longchen Rabjam, Zurchung Sheyrab Dragpa và những vị khác.

Ngài du hành đến Núi Vinh Quang trên tiểu lục địa Ngayab. Dù ngài chỉ sống một ngày theo thời gian của con người, đối với ngài, ngài đã dừng lại đó mười hai năm. Từ Orgyan

vĩ đại, ngài đã nhận những giáo huấn tâm linh làm chín muồi và giải thoát cho ngài. Bậc thầy vĩ đại này đã giao Dudjom Lingpa làm người nhiếp chính của mình như là bậc bảo vệ cho chúng sanh trong những thời suy thoái tâm linh. Trong mỗi nguyên tử Dudjom Lingpa nhìn thấy những đại dương của những hiện thân giác ngộ và những tịnh độ, và từ mỗi hiện thân giác ngộ này những hóa thân lưu xuất vô cùng của ngài nghe những giáo lý mà sự tương tượng bình thường phải rất khó khăn mới hiểu được.

Với sự khởi lên của những nghiệp lành trong những đời trước, Dudjom Lingpa đạt được trí huệ hoàn toàn, khiến những ai tìm kiếm những chỉ bày để học hỏi và thành tựu tâm linh đều tôn kính sùng mộ ngài. Những chúng hội dakini, như Yeshe Tsogyal, tiên tri những biến cố xảy ra cho ngài và chăm sóc ngài như một đứa con. Những vị bảo vệ đã thệ nguyện, những vị giữ gìn cho Phật pháp và những vị bảo vệ những giáo lý kho tàng che dấu đều theo ngài như cái bóng và theo lệnh của ngài.

Ngài không có sự khao khát những đam mê tầm thường; hơn nữa, ngài thoát khỏi mọi khuyết điểm của bám luyến do theo con đường tham muốn bình thường. Ngài là một đại hành giả theo nghĩa chân thật của từ này, người duy trì những nguyên tắc cao nhất của hạnh thanh tịnh. Ngài bị tác động sâu xa bởi

từ bi, và đã trau dồi Bồ đề tâm cao cả, động cơ vị tha làm lợi lạc cho người khác, trải qua rất nhiều kiếp đến độ những ai có sự nối kết với vị đại bồ tát này, người con của những bậc chiến thắng này, đều tìm thấy mục tiêu trong mỗi nối kết ấy.

Trong sự theo đuổi phương tiện thiện xảo tối thượng của con đường ngắn, kim cương thừa, bậc thiền giả vĩ đại nhất này đẩy đến giới hạn xa nhất của sự chứng ngộ sanh từ giai đoạn phát triển, đến độ ngài tri giác những sắc tướng và những âm thanh là trạng thái thanh tịnh, một mạn đà la của tánh giác nguyên sơ. Tánh giác nguyên sơ trở nên rõ ràng với ngài như là phúc lạc cháy trong thân ngài, sức mạnh trong lời ngài và sự chứng ngộ trong tâm ngài. Đàn ông và những daka, phụ nữ và những dakini, thức ăn và tài sản đều gom tụ quanh ngài như mây. Ngài là một vị thầy vĩ đại của sự chuyển hóa, thi hành hoạt động cho những mục đích đáng ao ước, chứng tỏ sự làm chủ với bốn loại hoạt động và tám hoàn thành tâm linh, như đi qua không gian hay vật chất đặc.

Giai đoạn thành tựu bao gồm nỗ lực này là một lối tiếp cận kỳ diệu. Qua những phương tiện thiện xảo mạnh mẽ này, vị anh hùng tâm linh vĩ đại hoàn toàn điều khiển được những năng lực vi tế chuyên động trong kinh mạch *roma* và *kyangma*, những kinh mạch hai bên của phương tiện thiện xảo và trí huệ siêu việt, để cho những “lối đi của mặt trời và mặt trăng” này

được đưa vào không gian căn bản của *dhuti*, kinh mạch trung ương. Với việc này, ngài chiến thắng đối với những tạo tác máy móc của mê lầm được sanh ra từ những năng lực vi tế bất tịnh của nghiệp. Được kích thích bởi năng lực vi tế của tánh giác tự hữu, sự vận hành của hơi nóng thiêng liêng *chandali* chuyển hóa ba kinh mạch và những luân xa chakra của ngài, làm trống và đốt cháy tiêu những khuôn khổ tư tưởng của bám chấp nhị nguyên trong cõi giới bao la của trí huệ siêu việt bất nhị. Sự chói sáng của điều này thấm nhiễm ngài với mười sáu cấp độ của niềm vui - tiến trình thay đổi ở bề ngoài của cái thực sự là cấp độ tối cao không thay đổi của phương tiện thiện xảo. Điều này đưa đến lạc tối thượng và sáng rõ của tính bình đẳng, và lúc đó ngài có một cách thức của hạnh, cái này đặt những hiện tượng hình tướng vốn tự biểu lộ dưới thân lực của ngài và làm tràn ngập những hình tướng bên ngoài với sự vinh hiển của chứng ngộ của ngài. Hạnh của ngài trở thành một sự khiêu vũ qua đó ngài khơi gợi, bằng những cách rất trực tiếp, phương diện lạc phúc tối thượng của tánh giác nguyên sơ trong bất kỳ ai có nghiệp thích hợp và phước đức lớn.

Lối tiếp cận đặc biệt nhất, con đường bí mật nhất của mọi con đường bí mật, là con đường nhanh chóng của quang minh (hay tịnh quang) triệt suốt, chót đỉnh của kim cương. Không lầm nhiễm bởi những nhận định tốt hay xấu, tánh giác nguyên sơ là hợp nhất bản nguyên của tánh giác vốn sẵn và tánh

Không, phi thời gian trong sự thanh tịnh bản nguyên của nó. Đây là bản tánh vốn không bị điều kiện hóa của tự tâm, chính là Bồ đề tâm của Samantabhadra (Phổ Hiền), không chút tạo tác. Điểm then chốt bí mật này của cái thấy hay tri kiến trở nên hoàn toàn rõ ràng với Dudjom Lingpa.

Về phần tiến trình thiền định không gắng sức, bản tánh của tất cả mọi hiện tượng là rốt ráo không nỗ lực như vậy, thoát khỏi mọi cảm thức “cái này phải được làm” hay “cái này được làm như thế nào”. Vượt khỏi những quan niệm bình thường về thiền định hay không thiền định, nó là trạng thái tự nhiên, không thi thiết giả tạo. Không có lớp che ám của sự không biết (vô minh) tánh giác nguyên sơ, nó là trong suốt và trùm khắp. Không có những biên giới chật hẹp của hy vọng và sợ hãi, nó là một cái rỗng rang thông dong. “Yoga của hư không” là yoga về pháp giới bao la tối thượng này của hiện thể trong đó chứng ngộ và giải thoát đồng thời, trong đó không có gì là thiền định, nhưng cũng không có phóng dật nào. Sự giác ngộ bên trong là sự sáng chói không dứt bên trong của hiện thể con người - bản tánh cố hữu của tất cả những phẩm tính tốt đẹp của các thân và tánh giác nguyên sơ, hiện diện tự nhiên không cố gắng. Bằng cách làm chủ cái này bằng những điểm then chốt của những tư thế của thân và những kỹ thuật nhìn ngắm trên con đường “vượt qua điểm đỉnh” (*thod-gal*), Dudjom Lingpa gặp gỡ những hình tướng xuất hiện trong thị kiến của thật tánh của

thực tại - nghĩa là, của hư không căn bản (*ying*), những quả cầu ánh sáng (*thig-le*) và sự sáng chói của tánh giác nguyên sơ (*rig-dang*). Một khi ngài đã đạt được tri giác trực tiếp ba cái này, chúng được nâng cao chất lượng và đạt đến sự biểu lộ trọn vẹn nhất như là những thị kiến của con đường này, khai mở trong một cái nháy mắt, như một đại dương những phẩm tính diệu kỳ khởi lên như những hình thức của những bồn tôn hòa bình và hung nộ.

Những dakini của hư không căn bản của tánh giác nguyên sơ ban xuống cho ngài kho tàng sâu xa và bí mật tối thượng của các vị, và ca tụng bằng những tiên tri về những mục tiêu cao cả và rộng lớn mà ngài sẽ làm trong tương lai. Các vị cổ vũ ngài mở cánh cửa vào kho tàng của những bí mật của dakini. Trong thị kiến về tánh giác nguyên sơ vô trụ, ngài trầm mình trong những thị kiến về toàn bộ vũ trụ như là một thực thể bao la của sự thanh tịnh. Những kho tàng đã được dấu kín của tâm giác ngộ vô tận tuôn ra như một điều tất nhiên từ pháp giới bao la của ý nguyện giác ngộ của ngài. Trong việc giải tỏa niềm ẩn làm tin của những dakini và phát lộ những kho tàng được dấu kín sâu xa, Dudjom Lingpa là một người phát hiện cao cả của những kho tàng như thế, một quân vương vũ trụ vĩ đại trong những vị thầy. Ngài truyền bá một kho tàng những giáo lý châu ngọc, được cất dấu thành một buổi tiệc lớn cho những người học may mắn cần được điều phục để họ thưởng thức -

những giáo lý về guruyoga, Đại Toàn Thiện, Bồ tát Quán Thế Âm, những giai đoạn phát triển và thành tựu, những thực hành hàng đầu và những kỹ thuật phụ, cũng như những hoạt động nghi lễ nhỏ hơn cho vô số mục tiêu.

Có những người trong những thời đại suy thoái tâm linh này tỏ ra khó khăn để điều phục bằng những lối tiếp cận tâm linh có cố gắng. Những tiên tri kim cương tán dương sự cần thiết điều phục họ bằng lối tiếp cận không cố gắng của ati, Đại Toàn Thiện, tinh túy của bí mật của chân lý xác quyết. Phù hợp với những tiên tri này, vì lợi lạc cho những người may mắn cần được điều phục, Dudjom Lingpa đã thấp lên ngọn đèn những giáo lý của lối tiếp cận chót đỉnh của những bí mật tối thượng.

Hình tướng cao cả và hấp dẫn của ngài, đem lại giải thoát ngay trên cái nhìn, được mặc áo trắng và những lọn tóc dài trĩu xuống. Nó có thể tùy ý đeo mang những vật tầm thường. Nơi tai ngài đeo những vòng lớn của cái tù và.

Ngài có thể cứu sống lại những người bị giết. Ánh sáng cầu vòng, mưa hoa và mùi hương thơm khi ngài cử hành lễ quán đảnh, những nghi lễ tập trung và những tiệc cúng dường. Những dấu hiệu của thành tựu này được những người trực tiếp hiện diện chứng kiến. Một phần lợi lạc đến từ những bài ca

kim cương du dương về giáo lý và lời khuyên tuôn chảy không dứt từ cổ họng vàng của ngài và nghe chúng sẽ đưa đến giải thoát. Ngài giải thoát cho dòng tâm thức của các học trò vào lúc ngài tập trung Bồ đề tâm của ngài vào họ, thường kèm theo những lời sắc bén hay những cú đánh.

Bằng tám con người hiện thân tiếp tục dòng giống của ngài, mười ba đứa con tuyệt hảo của lòng đạt đến thân cầu vòng, khoảng một ngàn người học trò đạt được cấp độ nắm giữ tánh giác vốn sẵn và những người khác nữa, ngài đã lập một dòng những thành tựu giả. Trong những giấc mộng của ngài, một cậu bé chư thiên tên là Dung-gi Zurphud và một phi nhân tên là Zurme, đã từng là em của ngài, đã tiết lộ những biểu tượng của ngài và tiên tri rằng sự lợi lạc cho những chúng sanh từ những kho tàng của ngài sẽ đi đến phương Tây, họ nói, “Những thành phố con người ở phương Tây có những người đáng được ông điều phục.” Họ cũng nói, “Âm vang của cái tù và ở phương Tây là một dấu hiệu danh tiếng của ông tăng lên mạnh mẽ. Những tia mặt trời chiếu sáng trong những cái hồ trên mặt đất tượng trưng cho những người ông sẽ điều phục.” Đúng như những tiên tri này, chúng ta đã thấy những hoạt động liên hệ với những kho tàng của Dudjom Lingpa đã lan tỏa và nở hoa trong những vùng xa, đặc biệt là bán cầu Tây.

Thật khó diễn tả chính xác ý nghĩa của những bí mật không

thể quan niệm nổi của ngữ giác ngộ trong những kho tàng của một vua Phật pháp như nhà phát giác kho tàng vĩ đại Dudjom Lingpa. Tuy nhiên, bản dịch này được một dịch giả thông thạo tiếng Anh và tiếng Tây Tạng đảm nhiệm, đó là nhờ những ý nguyện và nghiệp trước kia. Ông tên là Chökyi Nyima trong tiếng Tây Tạng, và Richard Barron trong tiếng mẹ đẻ Tây phương Canada và Hoa Kỳ. Bản dịch tinh xảo này được biên tập cẩn thận lại nhiều lần cho thêm chính xác và để bảo đảm sự trong sáng và hiểu được. Chính tôi cũng góp phần vào tiến trình dịch thuật và biên tập toàn bộ bằng cách cúng dường những phục vụ của riêng tôi với sự kính trọng chân thành những lời dạy này.

Như Dudjom Rinpoche nói trong Lời Bạt, những lời của bản văn này là “xá lợi của pháp thân”. Chúng có thể được đọc bởi người đã một lần đích thân nhận những giáo lý này từ một vị lama giữ dòng này; cho đến lúc đó bản văn nên được giữ như một vật thể tôn thờ trên bàn thờ. Nếu có được hoàn cảnh này, không nghi ngờ gì người ta sẽ vượt lên chiến thắng trong trận chiến với những chướng ngại và những nghịch cảnh, và những hoàn cảnh giúp đỡ sẽ đem lại lợi lạc tức thời trong đời này và tương lai.

*Dù tám gương cuộc đời của bậc bảo vệ này khó mà
diễn tả cho trọn vẹn,*

Tôi đã nói ngắn gọn về nó với một thái độ cao cả.

*Qua sức mạnh của việc làm này, nguyện bậc che chở
hướng dẫn tôi trong mọi cuộc đời,*

*Và nguyện khả năng làm lợi lạc cho chúng sanh của tôi
cũng lớn lao như của ngài, bậc che chở của tôi!*

*Từ những chiều sâu vô tận của tâm giác ngộ của ngài,
bí mật và sâu xa,*

*Phát ra sự chỉ dạy sâu thẳm này, Phật Quả Không
Thiền Định, làm hiển lộ rõ ràng khuôn mặt thật của chính
mình như là Đại Toàn Thiện, tức là bản tánh vốn có.*

*Với động cơ vị tha, những thí chủ đã đỡ đầu công trình
này, một dịch giả đã thông thạo hai thứ tiếng*

*Cho tất cả chúng sanh trong ba cõi, và nhất là cho
những ai biểu lộ sự tôn kính với giáo lý này,*

*nguyện những méo mó của ba che chướng được tiêu
tan trong hư không căn bản của những hiện tượng,*

*và nguyện bản tánh nền tảng của họ - Bồ đề tâm của
ba thân - trở nên rõ ràng!*

PHẬT QUẢ KHÔNG THIÊN ĐỊNH

Chỉ dạy để làm hiển lộ rõ ràng Khuôn Mặt
Xưa Nay như là Đại Toàn Thiện,
cũng tức là Bản Tánh Cố Hữu

MỞ ĐẦU

Với đức tin không lay chuyển tôi kính lễ bậc tối thượng, bậc bảo vệ bản nguyên, thành trì thiêng liêng nhất của sự phổ diên như huyền của tánh giác nguyên sơ.

Ngày nay, khi năm loại thoái hóa lên cao, chúng sanh không trừ một ai đều thô thiển và hoang dã, chao đảo trong sức mạnh của nghiệp xấu. Bám chấp vào giấc mộng thoáng qua của đời người, họ tạo ra những kế hoạch lâu dài như thể sự lưu ngụ này là mãi mãi và xoay lưng với việc tìm kiếm cái gì có ý nghĩa cho muôn đời tương lai. Vì lý do đó, tôi cảm thấy rằng những ai chân thành tìm kiếm giải thoát và toàn giác thì hiếm như sao ban ngày. Dù cho người ta có thể ý thức về việc phải chết của mình và nhiệt tình thực hành Phật pháp, họ cũng chỉ đầu tư cuộc đời làm người của họ vào những hành vi thân thể và lời nói đạo đức và như vậy chỉ theo đuổi những tái sanh cao hơn của trời hay người.

Một số không hiểu chút gì về tri kiến tánh Không, họ cho rằng tâm của họ là trống không. Cái mà họ được trực tiếp đưa vào không gì khác hơn là một trạng thái lan man hay một tỉnh giác thụ động và ở trong trạng thái đó không có gì để làm nữa. Điều này chỉ thúc đẩy họ đến tái sinh trong cõi trời dục giới và sắc giới mà chẳng đem họ gần hơn con đường toàn giác dù chỉ thêm một sợi tóc.

Thế nên nếu một ít cá nhân có tâm đạo đã trải qua vô số kiếp tích tập bao la, buộc nói những công đức ấy với nguyện vọng cao cả và đã thiết lập sự nối kết bằng nghiệp với những giáo lý về thực tập tối hậu, tôi sẽ chỉ dạy cho họ theo phước lành để sử dụng được những giáo lý Đại Toàn Thiện, rồi lại làm sai lệch hay phản đối những giáo lý này, chỉ xua đuổi tâm thức họ vào chôn hoang vu đơn độc. Các bạn có tâm đạo không như nói trên và có phước lành như tôi, thì hãy xem xét lời khuyên bảo của tôi. Qua khảo sát và phân tích, qua làm quen và thân thuộc, hãy nhận biết sanh tử và niết bàn là tánh không tối thượng, và như vậy hãy chứng ngộ bản tánh nền tảng.

Có ba phạm trù trong sự tiếp cận của Đại Toàn Thiện, Đại Toàn Thiện này tức là tự tánh: Phạm trù tâm (*sem-dhe*), Phạm trù cõi giới bao la của mình (*long-dhe*) và phạm trù những giáo huấn trao truyền trực tiếp (*man-ngag-dhe*). Bản văn này

thuộc loại được gọi là phạm trù bí mật của những giáo huấn trao huyền trực tiếp. Có ba phần trong đây, về cái thấy (*ta-wa*), thiên định (*gom-pa*) và hạnh (*kyod-pa*).



Avalokiteshvara

Chương I

Tánh Không của mọi sự vật

Trước tiên, để đạt đến một kết luận quyết định về cái thấy hay tri kiến, điếm then chốt thiêng liêng là phải đi đến một cái hiểu quyết định qua sự tham thiền bốn chủ đề - không hiện hữu (*med-pa*), nhất thể (*chig-pa*), châu biến đồng nhất (*khy-al-wa*) và hiện diện tự nhiên (*Ihun-drup*) - và phải chứng ngộ chúng đúng như chúng là.

Tiến trình đạt đến một kết luận quyết định về sự không hiện hữu của những sự vật thì gồm hai phần: đạt đến một kết luận quyết định về tự ngã của cá nhân và một kết luận quyết định về tư tánh của những hiện tượng.

Trước hết, chúng ta hãy xác định “tự ngã của cá nhân”. Từ ngữ này ám chỉ cảm tưởng có một cái ta hiện hữu, hoặc trong khi thức, trong những trạng thái mộng, trong trạng thái trung ấm - trạng thái trong gian giữa chết và tái sanh - hay trong đời

tới. Theo liên cảm tưởng đầu tiên này, có một cái thức tiềm ẩn bên dưới xem cảm tưởng này là một cái tôi và nó được gọi là “thức tiếp theo” hay “suy nghĩ diễn dịch lan man”. Khi nó trở nên rõ ràng hơn, cảm tưởng về một cái ta này thành vững chắc và cứng đặc. Bằng cách nỗ lực định vị nguồn gốc từ đó cái gọi là “ta” này sanh khởi, bạn sẽ đến kết luận rằng nó chẳng có nguồn gốc đích thật nào như vậy cả.

Trong khi tìm chỗ ở của tự ngã trong khoảng tạm thời [giữa phát sanh và diệt dứt], bạn cần tham cứu theo cách sau đây để xác định xem đối với cái gọi là tôi này có một nơi chốn và một tác nhân nào ở đó như những thực thể có thể được nhận dạng một cách cá biệt và những tính chất xác định được hay không.

Cái đầu được gọi là “đầu”; nó không phải là cái tôi. Tương tự, da đầu được gọi là “da”; nó không phải là cái tôi. Xương chỉ được xem là “xương”, nó không phải là cái tôi. Cũng thế, mắt chỉ là mắt, không phải là cái tôi. Mũi chỉ là mũi, đâu phải là cái tôi. Lưỡi chỉ là lưỡi không phải là cái tôi. Răng chỉ là răng, không phải là cái tôi. Óc cũng không phải là cái tôi. Cũng như những bắp thịt, máu, mạch máu, dây thần kinh, gân... được nói đến chỉ bởi những cái tên riêng của chúng, chúng không gọi là “tôi”. Từ điều này bạn có thể hiểu biết.

Hơn nữa, hai cánh tay chỉ là cánh tay, không phải là cái tôi.

Hai vai cũng không phải là cái tôi, phần trước cánh tay cũng vậy, hay những ngón tay cũng vậy. Xương sống, xương sườn, ngực, phổi, trái tim, ruột gan... không phải là cái tôi.

Cái được đặt tên là “tôi” này không phải là chân. Cái tên “đùi”, không phải là từ ngữ “tôi”, nó được áp dụng cho đùi. Tương tự, hông không phải là tôi. Ống quyển, mu bàn chân hay những ngón chân không phải là tôi. Tất cả những thứ khác nơi thân thể, chúng chỉ có tên gọi riêng, nhưng chúng không thể được chỉ định là “tôi”. Thậm chí tâm thức, chỉ được định danh bởi sự đặt tên ấy, không thể được chỉ định là “tôi”. Bởi thế, bạn có thể xác định cái không là sự không có bất kỳ nơi chốn hay tác nhân nào dù trong khoảnh khắc thời gian.

Tương tự, chúng ta cần đi đến một quyết định về sự siêu việt không thể cầm nắm của mọi nơi đến cuối cùng và của mọi tác nhân đi tới đó. Thực vậy, như người yếu mắt, có sự xuất hiện của cái gì hiện hữu nơi chẳng có gì hiện hữu. Nói đến tất cả những định danh này thì chỉ như diễn tả sừng thỏ.

Thứ hai, để đạt đến một kết luận quyết định về sự không có của tự tánh của những hiện tượng, bạn phải tìm kiếm căn cứ của sự đặt tên, bỏ đi những quan niệm của bạn về sự có vẻ thường còn của những thực thể vật chất, những khuyết điểm ẩn kín của lợi và hại, và phá sập hang động hư giả của hy vọng

và sợ hãi.

Trước hết, nếu bạn tìm kiếm những đối vật tối hậu đã được gán tên, bạn sẽ tìm thấy tổ hợp ấy không là vì ngoài sự gán tên cho cái không hiện hữu và chỉ là tư tưởng ý niệm. Sở dĩ như vậy vì không thể nào xác định bất kỳ một hiện tượng nào là tự tồn tại như là một căn cứ cho sự gán tên. Chẳng hạn, “cái đầu” là sự gán tên cho cái gì, và tại sao? Có phải sự gán tên như vậy được áp dụng bởi vì cái đầu tạo thành giai đoạn thứ nhất của sự lớn lên của thân thể, hay vì nó tròn, hay vì nó xuất hiện trên đỉnh của thân? Thực ra, đầu không phải là giai đoạn thứ nhất trong sự lớn lên của thân thể; từ “đầu” không để chỉ cái này tròn, và khi bạn khảo sát những quan niệm “cao hơn” và “thấp hơn”, bạn sẽ thấy không có những cái tuyệt đối cao hơn hay thấp hơn trong không gian. Tương tự, tóc trên đầu không phải là đầu. Da chỉ là da chứ không phải được định danh là “đầu”. Xương, não, mắt, tai, mũi, lưỡi không phải là đầu.

Bạn có thể nói rằng nếu chúng ta để riêng những thứ này ra thì chúng không phải là đầu, nhưng khối tập hợp chúng thì gọi là “đầu”. Nhưng nếu bạn cắt cái đầu ra, nghiền thành bột và rồi chỉ đám bột này cho người nào trên đời này, không có ai sẽ nói đó là cái đầu. Thậm chí nếu những hạt ấy được kết hợp lại với nước, khối này không phải là đầu. Thế nên, bạn cần hiểu rằng cái gọi là đầu này không là gì cả ngoài một biểu lộ ngôn

ngữ, và cái căn cứ cho sự biểu lộ ngôn ngữ ấy là không hiện hữu khách quan.

Chúng ta hãy lấy một trường hợp tương tự là mắt. Danh từ mắt không để chỉ những quả cầu song đôi. Màng bọc bên ngoài không phải là mắt. Chất dịch, dây thần kinh, mạch máu và máu không phải là mắt. Nếu bạn phân tích những thành phần này một cách riêng rẽ, bạn sẽ xác định rằng không có cái nào trong đó là mắt. Mắt cũng không phải là những hạt của khối tập hợp của chúng cũng không phải là khối kết hợp với nước. Cái thấy những hình ảnh chỉ là một trạng thái của thức, chứ không phải là hai mắt, bằng có là trong giấc mộng và trung âm người ta có thấy bằng hai mắt đâu.

Tương tự về tai, ống nghe không phải là tai. Da không phải là tai. Xương sụn, dây thần kinh, mạch máu, máu và nước dịch có tên riêng của chúng, nên chúng không phải là tai. Bột có từ sự nghiền tán chúng không phải là tai. Khối kết hợp những bột đó với nước không phải là tai. Nếu bạn nghĩ rằng từ ngữ “tai” để chỉ cái gì nghe âm thanh, thì hãy quan sát cái gì nghe trong giấc mộng, trong khi thức và trong trung âm. Đó là cái tâm bình thường, nghĩa là cái thức nó phi thời gian và hiện diện một cách nguyên sơ, chứ không phải là tai.

Tương tự như vậy với mũi và lưỡi, hay bất cứ bộ phận nào

của thân. Khi khảo sát căn cứ của những danh từ “thân thể” và “khối cơ thể”, bạn có thể thấy rằng xương sống và những xương sườn không được gọi là thân thể. Tim, phổi, gan, hoành cách mô, ruột... được nói đến bởi tên riêng của chúng, nhưng vẫn có cái trống không, trong đó cái căn cứ cho những sự đặt tên “thân thể” là trống không, vì nó không hiện hữu một cách khách quan.

Nếu bạn tìm kiếm một căn cứ cho sự định danh “trái núi” trong thế giới bên ngoài, bạn sẽ thấy rằng đất không phải là một trái núi; cỏ và cây không phải là núi; đá, vách đá hay nước không phải là núi. Nếu bạn tìm kiếm căn cứ của cái được định danh là “nhà”, bạn sẽ thấy đất, đá gỗ không phải là cái nhà. Những bức tường được gọi là tường, chúng không được gọi là nhà. Như vậy, không có ở đâu cả, ngoài hay trong, có thể thấy được là một cái nhà có hiện hữu.

Bạn có thể tìm kiếm những căn cứ cho những định danh như “con người”, “ngựa”, “chó” v.v... Dù những mắt, tai, mũi, lưỡi, thịt, máu, xương, gân... và thức tham dự có những tên riêng của chúng, không có căn cứ nào cho những định danh “con người”, “ngựa”, “chó”... hiện hữu một cách khách quan. Tất cả đều được chứng minh bởi một sự thật này.

Hơn nữa, những tên gọi và những chức năng có thể thay

đổi, chẳng hạn khi một con dao được làm thành một cái dùi và tên của nó thay đổi, hay khi một cái dùi được làm thành một cây kim, và những sự đặt tên trước đều biến thành không có thật.

Dựa trên lời dạy của Đức thầy của tôi, bậc từ Bi Vô Thượng cao cả và thiêng liêng (Đức Quán Thế Âm), đã nói cho tôi trong một giấc mộng, tôi đã thấu hiểu hai đề mục về cái ngã của cá nhân và sự tìm kiếm căn cứ cho những đặt tên như vậy.



Orgyan Tsokyey Dorje

Chương II

Thể nhập vào Như Huyền

Một lần nọ, tôi gặp hiện thân như huyền của trí huệ (hay tánh giác) nguyên sơ của Orgyan Tsokyey Dorje, ngài ban cho tôi chỉ dạy để làm sạch tri giác của tôi về những hiện tượng hình tướng như là huyền. Ngài nói:

“Để được trực tiếp đưa vào sự phụ thuộc lẫn nhau của những nhân và những duyên cùng hiện hữu (duyên sanh), hãy xem xét như vậy: yếu tố nhân là nền tảng của hiện thể như là hư không căn bản, sáng tỏ vi diệu và có khả tính cho bất cứ cái gì sanh khởi. Yếu tố duyên là một thức quan niệm ra một cái tôi. Từ sự hợp chung của hai yếu tố này, mọi hiện tượng hình tướng biểu lộ như huyền mà thôi.

“Như vậy, nền tảng của hiện thể như là hư không căn bản

(*zhi-ying*), còn tâm bình thường (*sem*) sanh khởi từ năng lực (*tzal*) của nền tảng đó và những hiện tượng bên ngoài và bên trong là phương diện biểu lộ của tâm bình thường ấy, cả ba đều liên kết với nhau như mặt trời và những tia sáng của nó. Do đó, chúng ta dùng cách nói ‘xảy ra trong liên kết phụ thuộc lẫn nhau’, ‘xảy ra theo duyên sanh’.

“Ở đây có một số thí dụ cho tiến trình này. Giống như sự xuất hiện của một ảo ảnh huyễn thuật (*gyu-ma*), dựa vào sự sáng tỏ vi diệu của hư không như là yếu tố nhân và biểu lộ qua sự liên kết phụ thuộc lẫn nhau được tạo ra bằng sự đồng thời của những yếu tố duyên - đó là những chất huyễn thuật, những thần chú và một tâm tạo nên một ảo ảnh.

“Mọi hiện tượng biểu lộ theo cách như vậy, không hiện hữu nhưng xuất hiện nhờ vào ảnh hưởng của việc quan niệm ra một cái tôi. Tiến trình này giống như một ảo ảnh (*mig-gyu*) xuất hiện từ sự đồng bộ của không gian trong sáng và hơi nóng và ẩm ướt.

“Mọi hiện tượng hình tướng của ý thức khi thức, những trạng thái mộng, trạng thái trung ấm và những đời tương lai dù có biểu lộ nhưng không hiện hữu, không có thật. Mê lầm có ra là bởi vì chúng ta gán cho chúng một sự thật mà chúng không có. Điều này giống như một giấc mộng (*mi-lam*), nhưng người

ta không xem nó là giả, nghĩ rằng đó chỉ là một giấc mộng mà lại bám vào như một khung cảnh có thật khách quan và trụ chấp vào đó.

“Do duyên là tri giác bên trong về một ‘cái ta’ áp chế, những nguyên tố của vô vàn hiện tượng của kinh nghiệm biểu lộ như là ‘cái khác’. Điều này giống như sự xuất hiện của một sự phản chiếu (*zug-nyan*) từ sự liên kết phụ thuộc lẫn nhau của một khuôn mặt và một tấm gương.

“Bởi vì mắc bẫy sâu trong vọng tưởng ra một tự ngã và tự tánh, sáu cõi sanh tử biểu lộ tùy theo. Điều này giống như những thành phố của Càn Thát Bà (*dri-zai drong-khyer*) xuất hiện chẳng hạn trên cánh đồng lúc mặt trời lặn, chỉ là những kinh nghiệm chủ quan của mắt trong tâm thức bình thường.

“Khi mà những xuất hiện hình tướng của những kích thích giác quan nguyên là như vậy, chúng không thể được thiết lập như có hiện hữu; những hiện tượng đa thù được thấy, nghe, ngửi, nếm hay cảm thấy thì giống như những tiếng vang (*drag-cha*) – những xuất hiện hình tướng tự phát sanh như thể chúng là cái gì khác.

“Mọi hiện tượng bề ngoài không gì khác hơn là nền tảng của hiện thể mà cùng một vị với bản thân nền tảng đó, như

những phản chiếu của tất cả tinh tú trong đại dương (*gya-tsoi za-kar*), chúng không khác với đại dương mà cùng một vị với bản thân nước biển.

“Do vọng tưởng ra một cái ta, tự ngã và cái khác biểu lộ như thể chúng có thật trong bầu trời mênh mông của nền tảng của hiện thể, đây là hư không căn bản vô biên. Điều này tương tự những bọt nước tạo thành trên nước (*chu-bur-gyi bu-wa*).

“Sự sáng tỏ vi diệu của nền tảng của hiện thể như là hư không căn bản và trống rỗng bị cưỡng ép thành những giới hạn chật hẹp của sự xuất hiện chủ quan của thức ý niệm hóa. Ảnh hưởng của thói quen cố hữu này gây ra những hiện tượng hình tướng sanh từ mê lầm để biểu lộ thành đa thù khác biệt không cùng. Điều này giống như sự xuất hiện của một ảo giác (*mig-yor*) khi ấn vào mắt hay khi hệ thần kinh bị rối loạn vì sự mất cân bằng của các khí.

“Những hiện tượng hình tướng biểu lộ từ nền tảng của hiện thể thì sai biệt vô cùng tạo duyên cho một cái thức vọng tưởng ra một cái ta, nhưng chúng không lìa khỏi hay xảy ra ngoài nền tảng này. Điều này giống như trường hợp một hành giả đã làm chủ những trạng thái nhập định cho phép biến ra và điều khiển những hình bóng quỷ thần (*trul-pa*). Dầu nhiều hình bóng khác nhau biểu lộ khi một người như vậy đắm mình

trong tiến trình biến ra và điều khiển, thực ra những hình bóng này thì không có nền tảng hay căn cứ và không thể được cho là những đối vật có thật.

“Hỡi đứa con nhỏ phi thường của ta, hãy thiền định dần dần theo cách này và con sẽ chứng ngộ những hiện tượng hình tướng là như huyền, trở thành một thiền giả của như huyền.”

Nói thế, ngài biến mất.



Rigdzin Duddul Dorje

Chương III

Bảy đặc tính như kim cương của hư không

Một lần khác, bậc nắm giữ tánh giác nội tại Duddul Dorje nói với tôi, “Kim cương (Vajra), kim cương vĩnh cửu - thực nghĩa của nó, hãy nhìn thẳng vào chính hư không.

Để phát hiện nghĩa của thực tại này, ngài nói như sau:

“A! Không gian trống không này là nền tảng cho sự sanh khởi của toàn bộ thế giới như một đồ để chứa bao la và những vật được chứa trong đó. Lấy thí dụ, giống như một tấm gương là nền tảng cho sự sanh khởi một hình bóng phản chiếu trong đó, hình bóng đó không thể xem là cái gì khác với tấm gương. Như nước là nền tảng cho sự sanh khởi của bóng trăng, bóng trăng không thể xem là cái gì khác với nước. Như bầu trời là nền tảng cho sự sanh khởi của một cầu vồng, cầu vồng không thể xem là cái gì khác với bầu trời.

“Hư không này không thể bị thương tổn nên bất hoại. Bởi vì hư không không thể bị chinh phục hay hủy diệt, nó là bất diệt. Bởi vì hư không thường trụ như cơ sở cho sự khai mở của mọi xuất hiện hình tướng tạo thành, nó là xác thực. Bởi vì hư không không thể thoái hóa vì những khuyết điểm hay những phẩm tính, nó là không hư hoại. Bởi vì hư không không có biến đổi, nó là vững chắc. Bởi vì hư không thường hằng thắm lợt dù một hạt nào nhỏ nhất dưới cấp độ nguyên tử, nó hoàn toàn không có ngăn ngại. Và bởi vì không có cái gì có thể làm hư hại nó, nó bao giờ cũng vô địch.

“Vì mọi sự vật khác bị vũ khí làm thương tổn nên chúng có thể hoại. Vì những duyên có thể chinh phục hay hủy diệt chúng nên chúng là có thể diệt. Vì chúng có thể thay đổi thành một hay nhiều vật, chúng là hư giả. Vì chúng có thể bị thoái hóa bởi cái gì khác, chúng là hư hoại. Vì chúng bao hàm chuyển động và lay động và không có chỗ trụ thường hằng, chúng là không vững chắc. Chúng luôn luôn bị ngăn ngại trong mọi cách. Vì những duyên khác có thể giảm trừ chúng thành không, chúng có thể bị đánh bại. Những sự vật có tính chất như vậy, nghĩa là không có tự tánh, không thực, đều là trống không.

“Hơn nữa, những vật thô có thể giảm trừ thành bột mịn, thành những phân tử. Những phân tử này có thể giảm trừ thành những nguyên tử. Đến lượt những nguyên tử này bị giảm trừ

thành hư không. Tính chất này của những sự vật khiến không thể xem chúng là có thật.

“Nếu con nghĩ rằng những sự vật ấy vốn hiện hữu nhưng bị giảm trừ thành không hiện hữu do con đi qua một tiến trình như vậy, thì hãy nhìn vào những hình ảnh trong giấc mộng, chúng không thể hiện hữu thậm chí ngay khi chúng biểu lộ. Và hãy quan sát cách những hình ảnh này khởi lên hay diệt mất chỉ do thấy hay không thấy bởi mắt mở hay nhắm, hay do cảm thấy bàn chân khi đặt xuống hoặc không cảm thấy đỡ lên trong lúc bước đi.

“Con có thể phản bác, ‘Nhưng không phải là một hình tượng trước kia chấm dứt và biến mất, rồi có một thực thể về sau phát triển sau đó để thay chỗ. Đúng hơn, khi một hiện tượng hình tượng trong khoảnh khắc trước di chuyển đến một điểm thời gian khác, mọi hình tượng này, trong những khoảnh khắc thời gian trước và sau, vẫn hiện hữu theo một cách mà chúng có thể được xem là có thật.’ Nếu con nghĩ như vậy, hãy nhìn lại vào những hình ảnh trong giấc mộng. Hãy xem xét kỹ sự việc, vì không thể có một bản chất nào hiện hữu tự mình nó mà không phải chỉ là một sự định danh quy ước nào đó dựa trên tính liên hệ lẫn nhau của nhân và quả.

“Thế thì, những giải thích này về bảy đặc tính như kim

cương của hư không dùng những thí dụ để chỉ ra như thế nào hư không thì không có chuyển dời hay biến đổi vì nó là không có chất thể, không có tự tánh. Chúng chứng tỏ cách thể thường trụ của thật tánh của thực tại là một bản tánh không biến đổi, không thể diễn tả, không thể quan niệm, vượt qua mọi ngôn ngữ văn tự.

“Phần trên là một luận chứng lý tưởng áp dụng vào những giải thích để phân biệt giữa cái thật tánh và không thật tánh, giữa cái xác thực và cái hư giả. Thế nên khi dùng biểu tượng như ngón tay để chỉ mặt trăng, hãy nhìn vào mặt trăng và chớ thỏa mãn chỉ nhìn vào đầu ngón tay. Nếu con không đạt đến một xác quyết về tánh Không bằng cách làm quen với chủ điểm này lập đi lập lại nhiều lần, con sẽ không xích lại gần hơn một chút nào con đường đến toàn giác.

“Hỡi tiểu anh hùng ở chót đỉnh của hiểu biết và trí huệ, con phải nhìn thông suốt vào nghĩa của điều này, trở thành một thiển giả của sự rỗng rang của hư không, người chứng ngộ mọi hiện tượng hình tướng là chính hư không.”

Nói thế, ngài biến mất.



Longchenpa Drimed Odzer

Chương IV

Thể nhập tính cách như mộng của tánh Không

Đã đạt đến một kết luận quyết định như vậy, tôi hiểu mọi hiện tượng hình tướng tự chúng đều trống không. Nhưng khi nhìn những hiện tượng hình tướng của thế giới bên ngoài như một đồ chứa đựng, những chúng sanh hữu tình được chứa trong đó và những sự vật biểu lộ giữa khoảng đó như năm loại kích thích của giác quan, tôi vẫn còn nghĩ đến chuyện bỏ chúng lại và đi đến cõi khác, và về phần tất cả chúng sanh thì vẫn thực sự hiện hữu, mỗi chúng sanh với một dòng tâm thức cá biệt.

Trong thời kỳ đó, trong một giấc mộng tôi gặp Thầy của tôi là [Longchenpa] Drimed Odzer, ngài dạy dỗ tôi, ban cho tôi một thể nhập trực tiếp trong hình thức một buổi hỏi đáp.

Ngài nói:

“Hồi đưa con của dòng tộc vinh hiển, khi con đi ngủ, những hiện tượng hình tướng ở ngoài của vũ trụ vô tình như một đồ chứa đựng, chúng sanh hữu tình ở trong đó và những sự vật biểu lộ giữa khoảng đó như là năm loại kích thích của giác quan, tất cả đều tan vào không gian của tánh Không nền tảng của mọi kinh nghiệm bình thường, giống như một trò huyền thuật ảo ảnh tan vào hư không căn bản. Sau đó, qua sức mạnh sáng tạo của năng lực nghiệp vi tế khởi động, những hiện tượng hình tướng của một cái ta và thân thể biểu lộ. Từ sự biểu lộ này trạng thái mộng mở ra - toàn bộ thế giới như một chứa đựng và mọi kinh nghiệm giác quan. Có sự mê lầm, do có sự bám chấp hiển nhiên vào những cái ấy. Cuối cùng, thế giới mộng với mọi hình tướng có thể có tan vào tánh Không nền tảng của mọi kinh nghiệm bình thường, như một cầu vồng tan mất trong bầu trời, và những hiện tượng hình tướng của tám thức trong trạng thái thức lại hiện hình như trước.”

Tới đây, tôi đáp lại ngài, “Con vẫn nghĩ rằng thân thể con không chỉ là một xuất hiện hình tướng, vì rõ ràng nó sanh ra từ những nhân duyên là cha mẹ của con.”

Ngài nói, “Nếu con nghĩ rằng thân thể con đến từ cha và mẹ, thế thì cái gì là bắt đầu và chấm dứt của cha và mẹ? Cái gì là nguồn gốc, chỗ ở, và chỗ đến sau cùng của cái cha mẹ này? Hãy nói cho ta!”

Tôi trả lời, “Con nghĩ rằng những cái đó có, nhưng con không biết chúng. Con thấy một thân thể vật chất mà không có cha mẹ là một điều bất khả.”

Ngài lại nói, “Hãy xem xét điều này: Ai là cha mẹ của thân thể trong một giấc mộng, trong trung âm và trong những cõi địa ngục?” Với sự việc này, tôi đến quyết định rằng thân thể này không thể xem là cái gì khác hơn một hiện tượng hình tướng giả ảo.

Tôi tiếp tục, “Thưa Thầy, con cảm thấy rằng khi thân con nằm trên giường với chăn mền, những hình ảnh mộng sanh khởi trong khi thân thể và cõi người vẫn không thay đổi.”

Vị Thầy nói, “Hãy tìm kiếm chỗ ở khách quan của sự phô bày biểu hiện đồ sộ này, những hình ảnh mộng này của những hình tướng bên ngoài của vũ trụ bao la vô tình như là một đồ chứa đựng, của vô số chúng sanh được chứa trong đó và của những sự vật biểu lộ nơi khoảng giữa như năm loại kích thích của giác quan. Chỗ trú của tất cả những cái đó là ở trong đầu chằng, ở tay chân, phần trên thân hay phần dưới?”

Dù tôi chắc chắn không có một chỗ nào như vậy cả, tôi vẫn tiếp tục, “Thưa Thầy, con giả định rằng những hình ảnh mộng sanh khởi khi tâm thức con đã đi đến một chỗ nào khác

và những hiện tượng hình tướng của tâm thức trong trạng thái thức sanh khởi khi nó vào lại trong thân.”

Vị Thầy trả lời, “Nếu như vậy thì thân thể này trở thành một cái gì giống như một khách sạn, thế thì hãy nhận ra và diễn tả cho ta đâu là cửa của khách sạn này nhờ đó thức bỏ đi và trở vào lại. Không chỉ có thế, con cũng phải cho biết tâm thức trú ngụ chỗ nào.

“Nếu nó ở nơi phần trên thân, làm sao con cảm thấy đau khi phần dưới bị gai đâm? Nếu nó ở phần dưới thân, thì tương tự như vậy, không có lý do nào để cảm thấy đau ở phần trên thân. Vô lý khi cho rằng nó có những kích cỡ khác nhau, nó nhỏ lại khi đi vào qua một lỗ nhỏ rồi nó lớn ra toàn thân và sau đó thu nhỏ lại để đi qua một lỗ nhỏ. Nếu như vậy, thì một khi thức đã lìa khỏi thân, tại sao nó không trở lại cái xác sau khi chết?

“Môi trường của những hình ảnh mộng này, nơi chốn khác, con đi đến này hiện hữu ở đâu? Ở trên? ở dưới? ở hướng chính hay hướng phụ nào? Con có cho nó là đồng nhất với thế giới trong trạng thái thức như một đồ chứa đựng và những vật trong đó hay là những gì khác biệt? Nếu con cho nó là đồng nhất thì giác ngủ có xác định những biên giới của nó hay không? Nếu giác ngủ phân định ranh giới, nó không phải là tri giác lúc

thức; Nếu giấc ngủ không phân định ranh giới, nó đâu phải là hình ảnh mộng. Còn nếu cho rằng những hiện tượng hình tướng như nhau đều có thật, quy cho chúng vào một hệ thống đẳng cấp cao hơn hoặc thấp hơn, bên ngoài hơn hay bên trong hơn thì cũng không xác đáng.

Tôi nói: “Thưa thầy, vậy thì con phải đi đến quyết định nào? Con phải giữ vững cấp độ kinh nghiệm nào? Con xin thầy, bậc thầy cao cả, chỉ cho con.”

Vị Thầy trả lời, “Suốt cuộc sanh tử từ vô thủy này chưa từng lúc nào có sự sanh thực sự; chỉ có hình tướng của sự sanh. Chưa từng bao giờ có sự chết thực sự, mà chỉ có sự chuyển hóa những hiện tượng hình tướng bề ngoài, như sự đổi thay từ trạng thái mộng qua trạng thái thức. Mọi cảm giác - thấy, nghe, ngửi, nếm và cảm thấy như là sắc, thanh, hương, vị, xúc bởi mắt, tai, mũi, lưỡi, và da - tất cả chỉ là sự sanh khởi, trong chúng và tự chúng, của những hình tướng tự biểu lộ một cách tự nhiên, không có dù chỉ một mảy may hiện hữu nào như là cái gì khác.

“Con có thể nghĩ rằng cái gì khác đang hiện hữu một cách độc lập bởi vì con có thể trực tiếp thấy nó bằng mắt con, thực sự nắm nó trong tay con hay kinh nghiệm nó qua những giác quan khác của con. Nhưng, thật ra, dù tất cả sắc, thanh, hương,

vị, xúc trong mộng có vẻ hiện hữu thực trong bối cảnh riêng của chúng, đứng trên kinh nghiệm khi thức chúng chưa từng hiện hữu, không hiện hữu một cách khách quan.

“Suốt cuộc sanh tử từ vô thủy, chưa từng bao giờ có bất kỳ kinh nghiệm thực sự nào về chuyển di hay đi từ một trạng thái này sang trạng thái khác, hoặc bất kỳ kinh nghiệm thực sự nào về việc trú ngụ trong nơi chốn nào khác. Tình huống này tương tự những hình ảnh trong một giấc mộng.

“Con có thể nghĩ rằng sự chắc thật tương đối của các hình ảnh lúc mộng thì không bằng sự chắc thật tương đối của những hình tướng lúc thức. Nhưng hãy nghĩ đến mọi kinh nghiệm lúc mộng và kinh nghiệm lúc thức từ lúc sanh ra cho đến giờ - những hoạt động, những bận rộn, những nỗ lực, những tính toán. Hãy xem xét chúng có tương đương hay không. Nếu con khảo sát chúng kỹ lưỡng, bất kể chúng lâu hay mau, nhiều hay ít, con sẽ đến kết luận rằng chúng là như nhau.

“Nhưng chưa hết, vì nếu những hình ảnh lúc mộng thì không thật và những hình tướng lúc thức là thật, điều này có nghĩa những hình ảnh lúc mộng là những trạng thái mê lầm còn những kinh nghiệm lúc thức là sáng suốt. Thế thì con phải cho rằng con là một chúng sanh trong những kinh nghiệm mộng và là một vị Phật trong trạng thái thức. Còn nếu cả hai là những

hiện tượng hình tướng có ra từ mê lầm, thì bất kỳ sự phân biệt nào về việc chúng có thật hay không có thật đều vô nghĩa, bởi vì câu nói ‘những hiện tượng hình tướng có ra từ mê lầm’ hàm ý sự bám chấp vào cái gì không hiện hữu mà chỉ xuất hiện thế thôi.

“Cho tới bây giờ con đã ăn một khối lượng thức ăn bằng núi Tu Di và đã uống một số nước bằng những đại dương, nhưng con vẫn không đầy. Dù con đã từng mặc quần áo đủ để đắp cho tam thiên đại thiên thế giới, con vẫn không ấm. Con cần hiểu đây là những chỉ dẫn cho thấy rằng không có cái gì có thể được xem là có thật, rằng tất cả chỉ là những hiện tượng hình tướng bề ngoài.

“Thật là một sai lầm lớn lao khi không hiểu rằng cái biểu lộ như là thân thể chỉ là trống không mà lại gán cho nó là thật có. Sai lầm này là con quỵ nuốt hết, bởi lẽ tất cả sức lực cố gắng mà con làm ra vì thân thể này sẽ ăn sạch quả của toàn giác. Nó là đao phủ sát nhân, bởi vì nó cung cấp mối liên kết từ chu kỳ này đến chu kỳ khác trong vòng sanh tử, khiến những hình tướng sanh và chết biểu lộ. Nó là kẻ cắt đứt sinh mạng, bởi lẽ để cho thân thể, con bị sai khiến phải tìm hạnh phúc từ ăn mặc v.v..., và như vậy cắt đứt mạch sống của giải thoát bằng cách bám giữ tham luyến và ghét bỏ, những cái làm tiếp diễn hy vọng và lo sợ. Nó cũng là kẻ trộm hơi thở, bởi vì nó cướp của

con hơi thở của hạnh phúc trường cửu.

“Thế nên, tất cả những ai bám chấp những đối tượng hình tướng sáu trần của thức thì giống như con nai thấy một ảo ảnh của nước và đuổi theo nó, không có một mảy may hiện hữu nào trong đó.

“Thêm nữa, dù con hiểu những sự vật là trống không như vậy, chúng vẫn y như cũ, có vẻ là thật chứ không biến mất. Thế nên con có thể tự hỏi cái hiểu như vậy dùng để làm gì. Nếu con không hiểu tánh Không là tinh túy của cái cần trau dồi trong thiền định, bây giờ mọi cố gắng trong thiền định chắc chắn sẽ không hiệu quả.

“Hơn nữa, con có thể nghĩ, ‘Bởi vì chỉ cái hiểu tri thức hay ý niệm trong tất cả các pháp thiền quán và thiền định khác sẽ không mang lại giải thoát, thì tại sao chỉ sự chứng ngộ tánh Không mới làm hiển lộ bản tánh nền tảng của mọi sự là không hiện hữu? Nếu những sự vật là trống không từ vô thủy thì việc người ta biết chúng là không hay không phải không chỉ là điều vô nghĩa?’ Tuy nhiên, chính từ sự khác biệt này của việc nhận thức hay không nhận thức, biết hay không biết, mà có niết bàn và sanh tử, giải thoát và mê lầm vô minh. Như thế, con phải thấu rõ rằng cái hiểu và nhận thức này là điểm then chốt.

“Ngoài ra, hoặc con chứng ngộ tánh Không do trải qua những khó khăn lớn lao trong tu học và vân vân, hay con chứng ngộ tánh Không không chút khó khăn nào thì cũng không có gì khác nhau, chẳng hạn như con tìm thấy vàng bằng cách trải nghiệm khó nhọc lớn lao hay không có chút khó nhọc nào ngay trong giường mình, thì đâu có sự khác biệt nào giữa phẩm chất của vàng.

“Từ ngữ ‘trí phân biệt’ ám chỉ trí huệ đạt được qua phân tích đưa đến quyết định rằng mọi hiện tượng là tánh Không. Từ ngữ ‘trí vô ngã’ ám chỉ trí huệ tiếp theo đi cùng sự xác quyết rằng sanh tử và niết bàn là tánh Không tối thượng. Điểm cốt yếu là con trau dồi hai phương diện của trí huệ siêu việt này trong dòng tâm thức của con, ban đầu như sự chứng ngộ, sau đó như kinh nghiệm cá nhân và cuối cùng như sự chứng đắc tin chắc không thối chuyển.

“Lại nữa, con có thể phản đối rằng không hợp lý khi cho rằng thân thể và thế giới không thể xem là cái gì khác hơn chỉ là những hiện tượng hình tướng bề ngoài, vì những cá nhân đã chứng ngộ bản tánh Không của thân thể họ vẫn cảm thấy đau đớn khi chạm vào lửa hay nước lạnh hay khi bị tên, giáo, gậy... đánh vào. Điều này được trả lời bằng sự kiện rằng bao giờ con chưa đạt đến trạng thái của hư không căn bản trong đó những hiện tượng tan biến trong thật tánh của thực tại,

hay pháp tánh (*dharmata*), những hình tướng nhị nguyên vẫn không tiêu mất, những hình tướng có lợi hay có hại vẫn xảy ra không dứt. Trong thật tế, ngay cả lửa của địa ngục vẫn chưa từng cháy.”

Nói như thế, ngài tan biến.



Saraha

Chương V

Những thần linh và ma quỷ chỉ là sự hóa hiện của tâm thức

Vào một dịp khác, khi tôi gặp đại thành tựu giả Saraha trong một thị kiến, tôi hỏi ngài, “Thưa bậc vĩ đại của những thành tựu giả, làm sao con có thể tịnh hóa những che chướng? Làm sao con có thể chắc chắn là có những thần linh? Làm sao con có thể giải thoát khỏi những ma quỷ và chướng ngại? Xin ngài từ bi nói cho con nghe những điều này.”

Ngài ban cho sự trả lời sau đây: “Hỡi người đại căn, con phải chiến thắng những tỳ vết sâu kín về lợi và hại, thiện và ác. Về cái được gọi là những che chướng, từ ngữ ‘che chướng’ và ‘không nhận biết tánh giác nội tại (*ma-rig-pa*, vô minh) ám chỉ không rõ biết bản tánh nền tảng của hiện thể là tánh Không, và từ ngữ ‘tập khí’ (*bag-chag*) ám chỉ sự cố chấp của việc không rõ biết ấy. Những cái ấy không thể xóa sạch bằng những nỗ

lực bình thường như những thực hành thân và ngữ. Những che chướng ấy chỉ có thể được tịnh hóa nhờ trí huệ phân biệt để đến một kết luận quyết định về thật tánh của thực tại.

“Mọi đức hạnh thiên về thân và ngữ trụ ở đâu? Kho chứa nơi chúng được tích tập là ở đâu? Khi con khảo sát và phân tích nguồn gốc từ đó nó đến, nơi đó nó trụ và nơi nào nó đi đến, hãy xem xét thiện nghiệp tích tập như thế nào nếu nó không hiện hữu một cách khách quan. Bằng cách khảo sát thiện nghiệp tích tập như thế nào và ở đâu trong bản tánh trống không của tâm - ở ngoài, ở trong hay ở chặng giữa, ở đỉnh hay ở đáy - con sẽ xác định rằng nó không hiện hữu một cách khách quan; lúc này nó không là gì khác hơn công đức được tích góp trong vòng sanh tử.

“Tương tự, khỏi những ác nghiệp được tích tập ở đâu? Kho chứa của chúng ở chỗ nào? Hãy khảo sát làm sao bất kỳ điều hại nào có thể tác động đến tánh Không của tâm, ở ngoài hay ở trong, trên, dưới hay khoảng giữa.

“Nếu con khảo sát kỹ lưỡng dòng tâm của những người luôn luôn tận tụy làm những nghiệp thiện về thân và ngữ trong hiện tại và những người để cả cuộc đời mình dấn thân vào những ác nghiệp, con sẽ thấy rằng không có một mảy may khác biệt nào trong tâm thức của hai loại người ấy, vẫn sự

tiếp diễn của ưa và ghét, hy vọng và sợ hãi. Nếu họ đạt được giải thoát, họ đạt giải thoát bởi vì tâm họ được giải thoát; nếu họ mê lầm, họ mê lầm bởi vì tâm họ mê lầm. Nhưng tâm của cả hai loại người này chưa được giải thoát, không có mây tóc khác nhau nào trong cái tâm sanh tử của họ. Như vậy dù có sự khác biệt tạm thời về hình thức giữa nghiệp tốt và nghiệp xấu - chúng làm phát sanh hạnh phúc hay khổ đau tạm thời - cái nào cũng không gì khác hơn là một sự kéo dài hiện hữu sanh tử.

“Nếu con không đi đến một kết luận quyết định như vậy về hạnh tốt, con sẽ lẫn lộn hai cái này - con đường giải thoát trọn vẹn bị lầm với đức hạnh tích tập phước đức tạm thời - và như vậy con sẽ không đạt được mục đích toàn giác. Nếu con không đi đến một kết luận quyết định về hạnh xấu, con sẽ không hiểu rằng sự kiện bản tánh chân thật của con không tỏ biết chính nó đã tạo ra che chướng và căn bản của vô minh mê lầm, và như thế con sẽ không nhận ra nguyên nhân của vô minh. Bởi vì chính điều này sẽ chỉ kéo dài sự mê lầm của con đến vô tận trong vòng sanh tử, con phải hiểu rằng điềm then chốt là đạt đến kết luận quyết định này.

“Hơn nữa, khi cái được gọi là ‘những thần linh giúp đỡ và bảo vệ’ được khảo sát đến tận gốc nguồn ban đầu của họ, nơi ở và chỗ đến sau cùng của họ, con sẽ thấy họ không hiện hữu một cách khách quan ở bên ngoài. Những thần linh ấy được

xem là hiện hữu ở trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, những đối tượng của giác quan nào? Nếu con nghĩ rằng họ hiện hữu cùng với một trong những nguyên tố (các đại) tạo thành thể giới như một đồ chứa đựng và các sự vật chứa trong đó, con, hãy khảo sát những nguyên tố đó xuống đến cấp độ các nguyên tử và các hạt. Con cũng hãy khảo sát những sự gán tên tương ứng và cách thức hiện hữu về mặt chất thể của chính những nguyên tố đó.

“Do khảo sát kỹ lưỡng những thần linh có thể làm lợi thể nào và tương tự những ma quỷ có thể làm hại thể nào, con sẽ hiểu được rằng họ không hiện hữu một cách khách quan. Mọi hạnh phúc và khổ đau là những kinh nghiệm phù du về những hiện tượng hình tướng bề ngoài biểu lộ với tâm như những giấc mộng; không có cái nào xảy ra trên cơ sở có thể định danh là ‘lợi’ hay ‘hại’ do những thần linh hay ma quỷ.

“Nếu con nghĩ rằng những ma quỷ làm hại con, hãy khảo sát điều hại nào có thể được gây ra bởi cái rớt cuộc chỉ là một sự gán tên ‘ma quỷ’, bởi vì sự gán tên này không có trong một đối tượng giác quan sắc, thanh, hương, vị, xúc nào. Con sẽ không thấy cái gì hiện hữu cả, chỉ là cái trống không và không hiện hữu một cách khách quan.

“Con người, dưới ảnh hưởng của mê lầm, nhìn phần thân

trên và phần thân dưới là tốt và xấu. Bởi vì phần thân trên có vẻ sạch họ nhìn nó như là thần linh, còn phần thân dưới có vẻ không sạch họ nhìn nó như là ma quỷ. Như vậy, hy vọng và sợ hãi xảy ra không ngừng, và do sức mạnh trói buộc của vọng tưởng về một tự ngã, những kinh nghiệm vô thường của hạnh phúc và khổ đau xảy ra không dứt. Mọi cái này không gì ngoài những kinh nghiệm phù du của vòng sanh tử, không may mắn thật có như là cái gì khác ngoài mình. Điều này có thể chứng tỏ bằng thí dụ đơn giản là một giấc mộng.

“Điểm then chốt ở đây là thấu hiểu cách thế của hiện thể đúng như nó là. Điều này tạo thành phương tiện để xua tan những chướng ngại trong thiền định. Mọi chướng ngại được gây ra bởi thiếu tin chắc sẽ được xua tan; con sẽ tin chắc nhờ nghĩa của thật tánh của thực tại và sẽ hoàn thành sự tự tin kiên cố không tổn động chút nghi ngờ. Thoát khỏi che chướng của việc không nhận biết tánh giác nội tại, con sẽ làm chủ trò phô diễn vĩ đại và thường trực biến đổi của tánh giác nội tại.

“Đây cũng là gốc của những pháp sâu xa Làm An Bình (Zhijed) và Cắt Xuyên Những Ma (Dudkyi Chodyul). Con chớ tìm kiếm bất cứ thần linh nào khác ngoài tánh giác nội tại tự nhận biết. Con sẽ đạt đến xác quyết rằng không có ma quỷ nào ngoài những tư tưởng lan man. Trong mọi thực hành sadhana và nghi thức để tránh những tai họa, sự hiểu biết này

không thể thiếu. Nếu con có cái hiểu như vậy, con đích thực là một đại thiên sư của như huyền, người chứng ngộ mọi hiện tượng đều là như huyền.

“Hồi đưa con trong tánh giác nội tại mà tâm đã thanh tịnh, hãy dạy điều này cho những người đáng giáo hóa, và có lẽ họ cũng sẽ trở thành những thiên giả của đường lối tâm linh vĩ đại của bí mật rốt ráo.”

Nói như thế, ngài biến mất khỏi tầm nhìn.



Vajrapani

Chương VI

Thực tại vốn là các hình tướng

Vào một dịp khác tôi gặp Vajrapani vĩ đại và vinh quang trong một thị kiến, một kinh nghiệm của sự thanh tịnh sáng tỏ toàn triệt. Dịp đó tôi hỏi ngài, “Thưa bậc chiến thắng, bậc cầm giữ Kim cương vĩ đại, có phải Phật quả là nhận ra bậc giác ngộ ngay tại đây trong hoàn cảnh tức thời của con, hay có một nơi nào khác để trở thành giác ngộ?”

Ngài ban cho sự trả lời sau đây: “Hỡi đứa con phước đức của dòng tộc vinh hiển, có lẽ con nghĩ rằng danh từ ‘Phật’ là sự hiện hữu như một nhân vật uy nghi, đẹp đẽ và ưa nhìn, an hòa và dịu dàng, tinh tế và hoàn thiện, đáng yêu, một người ngắm nhìn không chán, sống trong một xứ sở rộng lớn vĩ đại. Nếu thế, thì ai là cha mẹ của những vị Phật như vậy? Nếu do những bà mẹ sanh ra các ngài phải chịu giới hạn của thường còn; nếu chết, các ngài phải chịu giới hạn của giả ảo, không thực theo một nghĩa hư vô.

“Tóm tắt, chừng nào có một bản chất được xem là tự nó có hiện hữu thật trong ba giai đoạn phát sanh, kéo dài và diệt mất, thì không thể có một bản tánh của thực tại thoát khỏi những cực biên nhị nguyên. Những hiện tượng hình tướng bề ngoài dù xuất hiện thế nào, biểu lộ như có sanh ra và diệt mất, sự kiện đó không gì khác hơn là những ý niệm được gán ghép.

“Hơn nữa, nếu con chờ đợi cái gì thanh tịnh và hoàn toàn tinh ròng và xem nó là thật thì con sẽ tự ràng buộc mình. Nếu có một khác biệt nào giữa thật tánh của sanh tử và thật tánh của niết bàn, bây giờ nói đến ‘bản tánh của thực tại là tánh bình đẳng của sanh tử và niết bàn’ rốt cuộc chỉ là việc môi mép. Thật vậy, nhiều người chấp vào niết bàn như là cái gì có những đặc tính cố định nội tại bèn rơi vào cái bẫy của hy vọng và lo sợ. Có nhiều diễn tả về những kinh nghiệm được hưởng thọ trong các cõi thanh tịnh, nhưng nếu con bám vào những chi tiết đặc biệt đó và như vậy xem chúng là những thực thể có thật với những đặc tính cố định nội tại, con vẫn còn vọng tưởng cho những hiện tượng là có tự tánh.

“Dù chúng ta gán tên cho nó là gì, quan kiến cho rằng Như Lai là một cái gì trường cửu và có thật thì không siêu vượt khỏi quan kiến tự ngã của cá nhân là có thật. Nếu con nghĩ rằng một vị Phật có hai mắt, bây giờ cũng phải có nhãn thức. Một khi đã có nhãn thức, sự xuất hiện của những hiện tượng

như là sắc thì không thể tránh khỏi. Những cái này được gọi là ‘cực đối tượng của nhìn thấy’ và ‘những đối tượng giác quan’. Một khi những đối tượng như vậy được thiết lập thì không tránh khỏi suy nghĩ ý niệm vi tế của tâm bình thường xảy ra, nó góp phần kéo dài những sắc của con mắt. Cái này gọi là ‘cực chủ thể của nhìn thấy’ và ‘tâm bình thường’ (*sem*). Nhị nguyên ý niệm này của đối tượng và chủ thể được gọi là ‘tâm bình thường’, và bất cứ cái gì có tâm bình thường thì được gọi là ‘chúng sanh’.

“Cùng cách đó, nếu con nghĩ rằng một vị Phật có tai, thể thì cũng phải có nhĩ thức với những cảm giác về âm thanh tương ứng. Nếu con nghĩ rằng một vị Phật có mũi, thể thì cũng phải có tỷ thức và những cảm giác về mùi tương ứng. Nếu con nghĩ rằng một vị Phật có lưỡi, thể thì cũng phải có thiệt thức với những cảm giác về vị tương ứng. Nếu con nghĩ rằng một vị Phật có thân, thể thì cũng phải có thân thức với những cảm giác về xúc tương ứng. Những cái này bao gồm những cực đối tượng của tri giác cho những thức ấy. Những khuôn khổ tư tưởng ý niệm góp phần cho sự kéo dài của chúng tạo thành tâm bình thường, nghĩa là những cực chủ thể của tri giác cho những thức ấy. Như ở trước, cái gì có tâm bình thường thì được gọi là chúng sanh.

“Về cái chúng ta gọi là ‘Phật’, nếu có một trạng thái Phật

qua không siêu vượt khỏi những tri giác nhị nguyên của đối tượng và chủ thể, thì bấy giờ những phẩm tính tốt của trạng thái ấy có thể chuyển thành chúng sanh cũng như những phẩm tính bình thường chuyển từ người nọ qua người kia.

“Con có thể nghĩ rằng chư Phật giáo hóa những người khác, nhưng nếu chư Phật tư nghĩ là những vị thầy, những giáo pháp là cái để dạy và những chúng sanh là những người nhận giáo pháp, thế thì có khác biệt gì đâu giữa chư Phật và chúng sanh bình thường, dù chỉ nhỏ bằng hạt mè. Nếu thế thì các ngài đều là chúng sanh cả đấy thôi! Nếu con nghĩ rằng những phẩm tính độc nhất của một vị Phật là có một cõi lạc phúc, có tướng tốt, hội chúng tuyệt hảo, mọi thứ bằng các châu báu và hạnh phúc lớn lao hay không có sân và tham, con vẫn còn hình dung một chúng sanh, không đáng ca ngợi hơn những vị trời trong cõi sắc.

“Trong ý nghĩa rất ráo, nền tảng của hiện thể sẵn có của con là đức Samantabhadra (Phổ Hiền) trọn hảo, là cái được nói là ‘bậc an lạc mà đi của cả ba thời’. Trong sự thật tối hậu, một đức Phật không kinh nghiệm sự đi đến thế gian hay thuyết pháp. Nhiều tantra, luận và những giáo huấn trao truyền trực tiếp đã nói rõ ràng cách hình tướng tự biểu lộ của một vị thầy xuất hiện cho một cá nhân cần được giáo hóa. Hãy khảo sát chúng và thấu hiểu điểm này.

“Thêm nữa, thật vô lý khi nghĩ rằng những trạng thái hiện hữu khác, tách biệt trong vòng sanh tử được xem là thật có và những chúng sanh lần lượt đi đến những nơi đó để trải nghiệm vui khổ. Nếu hình tướng thân thể, căn cứ để tâm thức làm việc trong đời trước đã được bỏ đi như đồ thải mà có thực, thế thì từ đâu người ta lấy thân trung ấm giữa cái chết và tái sanh? Nếu thân trong đời này có thể chết vì những vết thương, vết bỏng hay chỉ vì một ngọn gió lạnh, thì làm sao một cái thân được tạo thành trong địa ngục lại có thể trải nghiệm nóng và lạnh, nấu và đốt mà không chết? Tương tự, nếu chúng ta có thể chết vì đói trong vài tháng hay thậm chí vài ngày, thì tại sao những chúng sanh quỷ đói không chết vì đói khát trong hàng kiếp?

“Như vậy, tất cả chúng sanh trong sáu cõi cũng như những chúng sanh trong trạng thái trung ấm đều mê lầm bởi vì họ bám chấp, cho những hiện tượng hình tướng là sự thật, nhưng thật ra chúng giống như những hình ảnh trong mộng - chúng không là gì khác hơn chỉ là những xuất hiện hình tướng, trống không và không có hiện hữu khách quan nào.

“Như thế nếu con đi đến một kết luận quyết định về những hiện tượng hình tướng sanh khởi từ mê lầm, chứng ngộ rằng chúng vô tự tánh, con sẽ nạo vét hết những chiều sâu của sanh tử luân hồi. Bằng cách xác quyết Phật quả không là gì khác hơn nền tảng bản nhiên của chính con và bằng cách có được

sự tự tin này bên trong con, con thực sự đạt được cái gọi là ‘sự giải thoát tự nhiên vốn có của chư Phật’.

“Hỡi bậc uy quyền của hư không, kim cương hiện diện ở khắp cả, con phải đi đến kết luận quyết định rằng không có hiện tượng nào của sanh tử và của niết bàn là hiện hữu, mà tất cả đều không và con phải chứng ngộ bản tánh của không hiện hữu.”

Nói thế, ngài biến mất khỏi tầm nhìn.



Dorje Drolod

Chương VII

Chuyển sanh tử và niết bàn về cùng một nền tảng

Theo như vậy, sau một thời gian dài tôi đã đạt đến một kết luận quyết định về sự không hiện hữu. Tuy nhiên, dù tôi hiểu mọi hiện tượng hình tướng trong thế giới này là trống không về phần chúng, nhưng vẫn còn nhiều phần nhánh của tánh Không có vẻ như vô ký. Vào lúc đó, tôi gặp Dorje Drolod tối thượng và cao cả trong một thị kiến, đang tụng chữ *Hung*, phát lộ sanh tử và niết bàn là sự phô diễn của tánh Không.

Lúc đó tôi nói, “Thưa bổn tôn đặc biệt của con, bậc trọn hảo và tối thượng! Dù về mặt trí thức con hiểu sanh tử và niết bàn là tánh Không, nhưng tánh Không này vẫn vô ký, không có lợi lạc không có tác hại. Như vậy là sao?”

Bổn tôn trả lời, “Hỡi người có đạo tâm, chúa tể của hư không, hãy chuyển tất cả sanh tử và niết bàn về tánh Không,

hãy chuyển tánh Không về bản tánh của mình, hãy chuyển bản tánh nhất như này của mình về nền tảng của hiện thể mình, hãy chuyển sanh tử và niết bàn thành trò phô diễn của nền tảng này và hãy chuyển sanh tử và niết bàn là một này về chính nền tảng nhất như của hiện thể mình ấy!

“Những phản chiếu của tinh tú trong đại dương là trò phô diễn của đại dương. Hư không là thai tạng của thế giới như một đồ chứa đựng và những cái nó chứa đựng. Thật tánh của thực tại xuyên thấu và trải rộng trùm khắp sanh tử và niết bàn. Hãy hiểu bản chất của những thí dụ này và điều chúng hiển nghĩa. Như thế, con sẽ trở thành một thiên giả trùm khắp toàn bộ sanh tử và niết bàn.”

Với những lời này, ngài biến mất.



Vajradhara

Chương VIII

Những hình tướng xuất hiện như thế nào?

Bảy năm sau, trong khi có một giấc mộng thanh tịnh, tôi gặp vị Thầy pháp thân Vajradhara. Vào dịp ấy tôi hỏi ngài, “Thưa Thầy, bậc chiến thắng thành tựu siêu việt, do thế nào con được tự do trên con đường giải thoát và toàn giác, và do thế nào con bị mê lầm trên con đường sanh tử? Con xin Thầy chỉ dạy cho con điều này.”

Trước sự cầu xin của tôi, ngài ban cho sự trả lời sau: “Hãy nghe đây, người đại căn. Hai trạng thái đối nghịch - trạng thái của Phật và trạng thái của chúng sanh - đều do nhận biết hay không nhận biết tánh giác vốn sẵn.

Nền tảng của hiện thể mình, bậc độ trì Saman-tabhadra bốn nguyên, có trong bốn thân và năm trí huệ nguyên sơ. Bản tánh tinh túy như là tánh Không của nó chính là pháp thân. Bản tánh cố hữu như là sáng tỏ của nó chính là báo thân. Sự

đáp ứng bi mẫn bẩm sanh như là giải thoát tự nhiên của nó là hóa thân. Tánh toàn khắp và trải rộng suốt trọn sanh tử và niết bàn là tự tánh thân.

“Bởi vì sự rỗng rang của tất cả hiện tượng, có trí huệ nguyên sơ của pháp giới (pháp giới thể tánh trí), hư không căn bản của những hiện tượng. Bởi vì sự sáng tỏ vi tế của chúng, thoát khỏi những yếu tố làm ô nhiễm, có trí huệ nguyên sơ như tấm gương, (đại viên cảnh trí). Bởi vì sanh tử và niết bàn là sự phô diễn của tánh thanh tịnh bình đẳng, có trí huệ nguyên sơ của tánh bình đẳng (bình đẳng tánh trí). Bởi vì sự thông suốt không ngừng của trí huệ nguyên sơ biết bản tánh của những sự vật và tri giác chúng trong sự đa thù khác biệt của chúng, có trí huệ nguyên sơ phân biệt (diệu quan sát trí). Và bởi vì tất cả cái gì phải được làm đều được hoàn thành qua sự giải thoát và thanh tịnh của tất cả các hiện tượng, có trí huệ nguyên sơ thành tựu tất cả (thành sở tác trí).

“Như vậy, con đường đến giải thoát trong Phật quả vốn tự hữu là làm hiển lộ tánh giác (hay trí huệ) vốn sẵn như là bản thể của bốn thân và năm trí huệ nguyên sơ. Bản tánh của tánh giác vốn sẵn thấm nhập và trải rộng khắp tất cả hư không nhưng không hiện hữu theo cách đối tượng; nó tự do và rỗng rang bao trùm khắp một cách tối thượng, một sự phô diễn không có nền tảng và không có chỗ trụ. Bởi vì không có tạo

tác, nó là pháp thân; do bản tánh của nó là sự sáng tỏ vốn sẵn, nó là báo thân; do sự thông suốt không ngừng cho sự biểu lộ của tính sáng tỏ của trí huệ nguyên sơ, nó là hóa thân; và do nó là nền tảng chung của sanh tử và niết bàn, nó là tự tánh thân.

“Một khi đạt đến một kết luận quyết định về nền tảng của hiện thể, trí huệ nguyên sơ của pháp giới là chứng ngộ sự kiện sanh tử và niết bàn là một vị trong hư không căn bản của thật tánh. Tánh Không không phải là một cái trống rỗng mà là sáng tỏ vi tế, không có những yếu tố ô nhiễm, như một tấm gương sáng sạch trong đó tất cả mọi sự đều có thể sanh khởi - đây là trí huệ nguyên sơ như tấm gương. Trí huệ nguyên sơ của tính bình đẳng là thấu hiểu sự kiện sanh tử và niết bàn là bình đẳng thanh tịnh trong tánh Không tối thượng. Trí huệ nguyên sơ phân biệt ám chỉ sự thông suốt không dứt để cho sự sáng tỏ của chức năng phân biệt của trí huệ nguyên sơ tự biểu hiện như là năng lực của tánh giác vốn sẵn. Bởi vì những hoạt động được thành tựu tự nhiên nhờ sự làm chủ tánh giác vốn sẵn, có trí huệ nguyên sơ thành tựu tất cả.

“Nhiều người không hiểu cách hiện hữu này của tánh giác đúng như nó là, và thay vào đó họ làm cho con đường của họ thành một trạng thái tĩnh giác thụ động nó không phân biệt được tâm bình thường với tánh giác vốn sẵn. Bên ngoài họ tri giác những hiện tượng hình tướng là có bản chất và về mặt

nghiệp báo là những thực thể trung tính vô ký có những đặc tính (tướng) rất ráo nhất định. Bên trong họ bị ràng buộc chặt chẽ bởi quan niệm về thân thể họ như là những thực thể có bản chất mà về mặt nghiệp báo là trung tính và thường còn. Họ có thể thành tựu được một kinh nghiệm vững chắc giữa hai cực bên ngoài và bên trong này, nhưng kinh nghiệm đó chỉ là một trạng thái tâm thức không ngăn ngại, sáng tỏ và tỏ biết. Nhưng dù có một ít khả năng điều này sẽ tạo ra công đức để thúc đẩy họ đến hai cõi cao hơn là sắc giới và vô sắc giới, họ sẽ không đạt đến giải thoát và toàn giác. Thế nên đây là một đường lối khuyết điểm.

“Từ ngữ ‘trí huệ siêu việt biết thật tánh của những sự vật đúng như nó là’ ám chỉ hiểu được sự kiện tất cả hiện tượng trong sanh tử và niết bàn là một vị trong bối cảnh tánh như, tánh như này là thật tánh của thực tại. Từ ngữ ‘trí huệ siêu việt biết những sự vật trong sự đa thù khác biệt của chúng’ ám chỉ sự kiện cho dù người ta trụ trong tánh giác vốn sẵn thì những sự thông suốt không ngăn ngại của tánh giác biết tất cả, nhận thức tất cả tự chúng vẫn có mặt. Những sự thông suốt này không bị ngăn ngại, chúng không trở nên bị vướng mắc bởi những đối tượng. Điều này giống như một giọt thủy ngân rơi trên mặt đất vẫn nguyên là nó.

“Tâm bình thường nhìn thấy sanh tử và niết bàn là biệt lập

và trí giác những hiện tượng hình tướng là những thực thể có bản chất. Điều này làm mất đi tỉnh giác về bản tánh của nền tảng hiện thể, từ đây những động tâm sanh ra và diệt mất, trở nên bị ràng buộc trong những đối tượng giác quan. Điều này giống như một giọt nước rơi trên mặt đất khô.

“Khi khuôn mặt thật của phương diện nền tảng của Phật quả - một trạng thái của sự thanh tịnh và sự làm chủ nền tảng của hiện thể - bị che chướng bởi sự không nhận biết (vô minh), những thân và trí huệ nguyên sơ vốn tạo thành ánh sáng tĩnh lặng bên trong bả́m sinh của nền tảng của hiện thể sẽ giảm thành một ánh sáng tĩnh lặng bên trong mà sự tỏa chiếu hướng ra bên ngoài của nó hiện bày như sự phô diễn của năm nguyên tố (đại) qua những tỏa chiếu của năm màu sắc theo cách sau đây.

“Khi trí huệ nguyên sơ của pháp giới, hư không căn bản của những hiện tượng, bị che chướng bởi sự không nhận biết (vô minh), thì sự tỏa chiếu hướng ra bên ngoài của nó biểu lộ thành một ánh sáng xanh đậm. Cái này được gọi là ‘nguyên tố bên trong’ hay ‘nguyên tố chính’, tức là tinh túy vi tế của hư không. Khi sự tỏa chiếu này bị bả́m trụ như là có bản chất và vọng tưởng cho là thật có, nó biểu lộ như là hư không. Cái này được gọi là ‘nguyên tố bên ngoài’, ‘nguyên tố phụ’ hay ‘sự biểu lộ của những bóng cặn’.

“Khi trí huệ nguyên sơ giống như tấm gương bị che chướng bởi sự không nhận biết đến độ nó giảm thành một ánh sáng tĩnh lặng bên trong, sự tỏa chiếu hướng ra bên ngoài của nó biểu lộ thành một ánh sáng trắng. Cái này là tinh túy vi tế của nước hay ‘nguyên tố chính’, ‘nguyên tố bên trong’. Khi sự tỏa chiếu này được vọng tưởng như là có bản chất và bám trụ vào cho là thật có, nó biểu lộ như nước. Đây là những lỏng cạn, hay nguyên tố phụ thuộc bên ngoài.

“Khi trí huệ nguyên sơ của tánh bình đẳng bị che chướng bởi sự không nhận biết đến độ nó giảm thành một ánh sáng tĩnh lặng bên trong, sự tỏa chiếu hướng ra bên ngoài của nó biểu lộ thành một ánh sáng vàng. Cái này là tinh túy vi tế của đất, hay nguyên tố bên trong hoặc chính. Khi sự tỏa chiếu này được vọng tưởng như là có bản chất và bám trụ vào cho là thật có, nó biểu lộ như đất. Đây là những lỏng cạn, hay nguyên tố phụ hoặc bên ngoài.

“Khi trí huệ nguyên sơ phân biệt bị che chướng bởi sự không nhận biết đến độ nó giảm thành một ánh sáng tĩnh lặng bên trong, sự tỏa chiếu hướng ra bên ngoài của nó biểu lộ thành một ánh sáng đỏ. Cái này là tinh túy vi tế của lửa, hay nguyên tố bên trong hoặc chính. Khi sự tỏa chiếu này được vọng tưởng như là có bản chất và bám vào cho là thật có, nó biểu lộ như lửa. Đây là những lỏng cạn, hay nguyên tố phụ

hoặc bên ngoài.

“Khi trí huệ nguyên sơ thành tựu tất cả bị che chướng bởi sự không nhận biết đến độ nó giảm thành một ánh sáng tĩnh lặng bên trong, sự tỏa chiếu hướng ra bên ngoài của nó biểu lộ thành một ánh sáng lục. Cái này là tinh túy vi tế của gió, hay nguyên tố bên trong hoặc chính. Khi sự tỏa chiếu này được vọng tưởng như là có bản chất và bám trụ vào cho là thật có, nó biểu lộ như gió. Đây là những lông cặn hay nguyên tố phụ thuộc bên ngoài.

“Do những tỏa chiếu hướng ra bên ngoài này là vốn thường có bẩm sinh, những hiện tượng hình tướng nhiều màu sắc và năm nguyên tố biểu lộ không dứt.

“Sau đây là một bàn luận về sự sanh khởi như là năng lực của căn bản mê lầm có năm loại này. Sự che chướng nền tảng của hiện thể bởi sự không nhận biết tánh giác vốn sẵn, đó chắc chắn là nền tảng của mọi kinh nghiệm bình thường (*kun-zhi*), một cái trống không trì trệ vô ký như là không gian trống rỗng, trong đó không có tư tưởng nào xảy ra và không có hiện tượng hình tướng nào biểu lộ. Nó giống như một trạng thái ngủ sâu và vô thức. Bị chìm đắm trong trạng thái này là bản chất của vô minh - trò phô diễn lớn lao, biến đổi của sự không nhận biết tánh giác vốn sẵn.

“Từ trạng thái này, phần năng lực của biệt nghiệp được đánh thức, là bản chất của đồ kỵ. Sự vận hành của nó khiến một phương diện của sự sáng tỏ khởi lên từ tánh Không, phương diện này là thức nền tảng của mọi kinh nghiệm bình thường (thức a lại da), nó tạo thành sự bám trụ vào sân hận. Từ cái này ta có ra thức mặt na, sự phát triển của vọng tưởng ra một cái tôi, nơi chỉ có sự xuất hiện của một tự ngã; cái này tạo thành sự bám trụ vào kiêu hãnh. Từ cái này sanh ra ý thức, nó tạo thành tiềm năng cho những hiện tượng hình tướng khởi lên trong nền tảng của cái trống không tri trệ và vô ký này. Như vậy một phương diện của sự sáng tỏ được phát lộ, nó tạo thành sự bám trụ vào bản chất của tham muốn và bám luyến. Tất cả những cái ở trên tạo thành năm bản chất (năm độc) sanh khởi như là năng lực hướng ra bên ngoài từ ánh sáng tĩnh lặng bên trong. Bản chất của năm độc thì giống như một ngọn lửa từ đó những khuôn khổ tư tưởng của những phiền não bay ra như những tàn lửa.

“Theo cách này, những hiện tượng hình tướng xuất hiện trong môi trường đã được đối tượng hóa, môi trường này ở trong phương diện sáng tỏ và trống không của sự tương hợp giữa nền tảng của mọi kinh nghiệm bình thường này và thức. Yếu tố duyên là sự kích động của năng lực vi tế của nghiệp, trong khi yếu tố nhân là nền tảng của kinh nghiệm với tiềm năng cho phép những sự vật sanh khởi. Với sự hòa hợp của hai

yếu tố nhân và duyên này, vô số hiện tượng hình tướng biểu lộ như các sắc thấy được khởi lên theo cách chúng nương dựa trên nền tảng của hiện thể và gắn liền với nó, chúng không gì khác hơn là bản thân nền tảng. Môi trường đối tượng hóa trong đó những sắc hình tướng thấy được thường được diễn tả một cách quy ước là ‘nhân thức’.

“Thế nên, từ ngữ ‘môi trường đối tượng hóa’ hàm ý môi trường trong đó những hiện tượng hình tướng biểu lộ. Cái này có thể ví như đại dương. Từ ngữ ‘ý niệm hóa thành đối tượng’ ám chỉ những hiện tượng hình tướng biểu lộ như những sắc thấy được. Cái này giống như những phản chiếu của tinh tú. Hơn nữa, khi yếu tố chủ quan vi tế của ý thức gán tên cho những sắc ấy, cho chúng ý nghĩa và xem chúng là những thực thể có bản chất, bèn có sự ý niệm hóa về phần chủ thể, cùng với những tư tưởng lan man làm kéo dài ba loại tri giác thuộc mắt - vui, khổ và trung tính. Cái này được gọi là ‘tâm bình thường như là sự ý niệm hóa về phần chủ quan thuộc cái thấy’.

“Tương tự, từ ngữ ‘tỷ thức’ hàm ý sự khởi lên của những hiện tượng hình tướng như những mùi hương. Từ ngữ ‘thiệt thức’ là sự khởi lên của những hiện tượng hình tướng như là những vị; ‘thân thức’, sự khởi lên của những hình tướng hiện tượng như là những cảm giác xúc chạm. Dù chúng ta diễn tả những cái ấy bằng những từ ngữ quy ước, thức không thực

sự biểu lộ qua những cửa riêng biệt nào của thân, như được chứng tỏ bởi sự kiện những hiện tượng hình tướng cũng biểu lộ trong những giấc mộng và trung âm.

“Một số người chủ trương những hiện tượng hình tướng đều là tâm. Họ tự hỏi không biết mọi hiện tượng hình tướng bên ngoài có phải thực sự là những tư tưởng lan man và do đó là tâm của chính họ chăng, nhưng không phải như vậy. Điều này được chứng tỏ bởi sự kiện trong khi những hiện tượng hình tướng thay đổi ngay trong khoảnh khắc chúng biểu lộ, diệt mất trong những khoảnh khắc sau đó, nhưng tâm bình thường không nhận thức được bản chất thoáng qua của những hiện tượng này và vì thế nó là không thật có như chính tâm không thật có.

“Qua sự tiếp diễn thông thường của những hiện tượng hình tướng theo cách này với tám thức uẩn, toàn bộ vòng sanh tử khởi lên. Bằng cách đi ngược tiến trình, trở lại đến thức như là nền tảng của mọi kinh nghiệm bình thường, người ta vẫn còn mắc cạn trên đỉnh của đời sống hữu vi.

“Như vậy, thế giới của mọi hình tướng xuất hiện có thể có, toàn bộ sanh tử và niết bàn, không gì khác hơn là bản thân nền tảng của hiện thể và cùng một vị với nền tảng đó. Lấy một thí dụ, dù vô số phản chiếu của tinh tú xuất hiện trong đại dương,

thật ra chúng là một vị với nước. Hãy hiểu mọi sự giống như vậy. Tất cả mọi hiện tượng hình tướng vốn là những xuất hiện tự-biểu lộ sự chỉ bày này là giáo huấn trao truyền trực tiếp của Vajradhara.”

Nói thế, ngài biến khỏi tầm nhìn.



Hungchenkara

Chương IX

Không, Vô tướng, Vô nguyện

Lại một dịp khác, khi tôi gặp vị nắm giữ tánh giác vốn sẵn Hungchhenkara vĩ đại trong một thị kiến, tôi hỏi ngài, “Sự phô bày của những hiện tượng hình tướng này giống như cái gì?”

Ngài ban cho sự trả lời sau đây: “Hỡi người đại căn, những thức của năm thông lộ giác quan thì giống như hư không trong đó mọi sự đều có khả năng khởi lộ. Tư tưởng lan man trôi dạt thì giống như những chất liệu và thần chú mà một nhà ảo thuật sử dụng. Sự phô bày của những hiện tượng hình tướng biểu lộ từ sự hòa hợp của hai cái này thì giống như một ảo ảnh huyền thuật. Thức kéo dài sự việc này thì giống như một khán giả.

“Sự việc này là như vậy, mọi chất liệu để lập thành thì giống những chất liệu được dùng trong huyền thuật. Đường lối của yoga như huyền dùng những thần chú tịnh hóa để tinh lọc những chất liệu này thành tánh Không và những thần chú gia tăng để tạo ra sự xuất hiện của vô số hình tướng làm thích thú giác quan, chúng trở thành những đối tượng của sáu giác

quan để làm cho tất cả những người nhận những trò chơi này vui thú. Hơn nữa, vì chúng sanh, họ giống như bóng dáng hóa hiện, bằng yoga như huyền, người ta thiết lập môi trường đối tượng khách quan như một thành phố của Càn Thất Bà. Người ta làm những việc để giải thoát và giáo hóa chúng sanh như thể biến đổi nội dung của một giấc mộng, như vậy có được sự làm chủ yoga tối thượng của huyền.

“Hãy xem xét sự kiện bất kể bao nhiêu tinh tú được phản chiếu trong một hồ nước, những phản chiếu ấy đều được bao gồm trong nước mà thôi; bất kể bao nhiêu thế giới như những đồ chứa đựng và những thứ được chứa đựng trong đó, chúng đều được bao gồm trong một hư không duy nhất; bất kể những hiện tượng hình tướng của sanh tử và niết bàn có bao la và nhiều bao nhiêu, chúng đều được bao gồm trong thật tánh duy nhất của tâm.

“Bản tánh của tâm, được nói đến như là Phật tánh, là một sự tỏa khắp đồng nhất mà không nhiễm ô bởi những khuyết điểm. Chẳng hạn, dù chư Phật có đầy khắp hư không, thì vẫn có một sự tỏa khắp đồng nhất trong đó không có cái gì hiện hữu để được lợi lạc từ trí huệ nguyên sơ và những phẩm tính tuyệt vời của các ngài. Cho dù có chúng sanh đầy cả không gian, mỗi một chúng sanh với một dòng tâm thức biệt lập, thì vẫn hiện diện một sự tỏa khắp đồng nhất mà trong đó không

có cái gì hiện hữu để bị ngăn ngại.

“Phương diện nền tảng của pháp thân như là Phật tánh thì không có chỗ trụ, không có một vật hay tác nhân nào phát sanh và như vậy không có giới hạn của sanh ra. Nó vượt khỏi bất cứ thời gian hay tác nhân nào diệt mất, và như vậy không có giới hạn của diệt mất. Bởi vì nó không rơi vào cực biên hiện hữu như một thực thể có bản chất nào, nên thậm chí mất của một bậc chiến thắng cũng không thể thấy nó, nó không có giới hạn của thường còn. Bởi vì nó không rơi vào cực biên không hiện hữu và tạo thành nền tảng chung của sanh tử và niết bàn, nó không có giới hạn của đoạn diệt. Bởi vì nó vượt khỏi mọi chỗ trú, mọi vật thể hay tác nhân của sự đi, nó không có giới hạn của đi. Bởi vì không có chỗ trụ, không có một vật hay tác nhân nào có thể được xem là hiện hữu, nó không có giới hạn của đến. Bởi vì mọi hiện tượng của sanh tử và niết bàn khởi lên một cách riêng biệt và cá thể ở trong cõi giới bao la nền tảng của hiện thể, hay Phật tánh, như những tinh tú phản chiếu trong một cái hồ, nó không có giới hạn của bản sắc. Bởi vì những cách thức của sanh tử và niết bàn, dù chúng khởi lên như thế nào, đều cùng một vị với nền tảng của hiện thể, hay Phật tánh, như những tinh tú phản chiếu trong đại dương không là gì khác hơn đại dương, nó không có giới hạn của tách biệt. Bởi vì nó không rơi vào cái nào trong tám cực biên giới hạn của tạo tác ý niệm ấy, một sự tỏa khắp không nhiễm ô bởi

những khuyết điểm vẫn đang thường trụ.

“Hơn nữa, nó là trống không trong đó không trên không dưới, không phương không hướng, không đứt đoạn hay tương tục thời gian. Nó trống không trong đó nó hoàn toàn tỏa khắp và hoàn toàn trải khắp. Có tánh Không bên ngoài, trong đó không có hiện tượng hình tướng bên ngoài có thể được xem là thật, có bản chất hay có tướng. Có tánh Không bên trong, trong đó tự tâm bên trong thì vượt khỏi mọi nền tảng hay căn cứ nào. Có tánh Không chẳng giữa, ‘trung đạo’ - sự tỏa khắp tối thượng - trong đó giữa cái ngoài và cái trong không có sự phân biệt thành những ý niệm nhị nguyên đối tượng và chủ thể. Đây là tánh Không, một cửa mở vào giải thoát.

“Phương diện nền tảng của pháp thân, Phật tánh, thì rất ráo không có tướng, những tính cách xác định, nó không thể diễn tả bằng lời nói, vượt khỏi ước lượng thí dụ và vắng bật bất cứ một địa vị nào như một thực thể có thể được chứng tỏ. Đây là sự Vô tướng rất ráo, một cửa mở khác của giải thoát.

“Khi xem thật tánh của thực tại, hay Phật tánh này, cái ‘đạt đến trạng thái lạc phúc trong cả ba thời’ này, mà cho rằng mục đích là đạt giải thoát trong một nơi chốn hay cõi giới nào khác, đi đến đó chỉ bằng thực hành đức hạnh về thân và ngữ, đó là nghĩ rằng cảnh giới tỏa khắp, trải rộng của hư không là một

đối tượng hay một tác nhân có đi, có đến. Thật là một trạng thái tâm cực kỳ mờ rồi và mê lầm!

“Vậy thì con đường là gì? Đó chỉ là không dời đổi chính vị trí đích thật của mình trong thật trạng hiện tiền của mình. Chúng ngộ là gì? Đó chỉ là thấu hiểu trực tiếp thật tánh của mình là bản tánh của thực tại. Giải thoát là gì? Đó là thức tỉnh với cái vốn đã giác ngộ trong bản tánh của mình. Còn nỗ lực theo cách khác, vọng tưởng ra giải thoát là một cái gì khác, thì đó là mê lầm. Bởi vì trong thực tại tối hậu không có cái gì hiện hữu để làm nền cho một khởi tưởng nhỏ nhất về mục đích, có sự vắng mặt của khởi tưởng: Vô tác hay Vô nguyện, một cửa mở khác vào giải thoát.

“Hỡi chàng trẻ tuổi, chúa tể của tánh giác vốn sẵn, con sẽ không giải thoát nếu chỉ nghe ta giải thích những điều này. Hãy khảo sát và phân tích điều ta đã nêu ra, để cho kinh nghiệm trực tiếp khởi lên từ những chiều sâu của hiện thể con, và hãy làm vững chắc cái hiểu và trí huệ của con. Hãy dạy điều này cho những người phước đức đáng thọ nhận. Chớ nghi ngờ, dòng tâm giác ngộ của ta sẽ truyền chuyển cho những cá nhân đem điều này vào thực hành một cách nhất tâm và họ sẽ đạt giải thoát không lâu.”

Nói thế, ngài biến mất khỏi tầm nhìn.



Manjushri, Lion of Speech

Chương X

Tánh Giác và những biểu lộ của nó

Vào một dịp khác, trong một kinh nghiệm thiền định về sự sáng tỏ toàn triệt, tôi gặp Manjushri Vadisimha (Văn Thù Sư Lợi, Sư Tử của Ngũ) và hỏi ngài câu sau: “Hỡi bậc Thầy, bậc che chở cho thế giới, con đã đến một quyết định về tình thế căn bản này đúng như nó là: mọi hiện tượng hình tướng của thế giới như một đồ chứa đựng và những vật được chứa trong đó không gì khác hơn là những xuất hiện hình tướng vốn tự biểu lộ. Nhưng con xin ngài chỉ cho con những tên riêng và những cõi tịnh của tất cả chư Phật có thể hay không thể được xem là những đối tượng độc lập ra sao.”

Theo sự cầu xin của tôi, vị thầy ban cho sự trả lời sau đây; “Hãy nghe, hỡi người đại căn. Những phẩm tính của hiện diện tự nhiên quý báu là ánh sáng tĩnh lặng bên trong của phương diện nền tảng của pháp thân, Phật tánh. Với cái này như là một căn cứ, những cõi tịnh của chư Phật, những bồn tôn nam và nữ và vô số cung điện tự biểu hiện là toàn thiện như những thuộc tính tự nhiên của chính nền tảng của hiện thể. Đây là nguyên

lý của trí huệ siêu việt (Bát nhã ba la mật). Trình bày chúng như là những sự vật có thể xem là khác với nền tảng là nguyên lý của phương diện thiện xảo.

“Sự toàn thiện của những phẩm tính trong bản thân nền tảng của hiện thể là chân lý tối hậu; sự diễn giải những phẩm tính ấy thành hiện hữu như cái gì khác - những sự vật trong thế giới - thì ở cấp độ của chân lý tương đối.

“Lại nữa, nghĩa rốt ráo là sự phô diễn của những thân và trí huệ nguyên sơ như là sự hiện diện tự nhiên của bản thân nền tảng của hiện thể. Nghĩa tạm thời gồm mọi giải thích về những cõi tịnh của chư Phật, những danh hiệu của những bốn tôn nam và nữ... như là những sự vật khác với nền tảng ấy, nghĩa là, như những thực thể có bản chất với các tướng nhất định.

“Sau đây là một giải thích về thực tại tối hậu ở cấp độ tương đối, phù hợp với những phương thức của kinh nghiệm sanh tử. Chúng ta hãy xem xét cách tất cả các bậc chiến thắng được bao gồm trong năm thân. Trong thật tánh tối thượng, mọi hiện tượng của những hình tướng xuất hiện có thể có của sanh tử và niết bàn đều hiện diện một cách vốn có như là những thuộc tính tự nhiên, không thi thiết trong tánh Không tối thượng của nền tảng của hiện thể như là hư không căn bản - cái này được gọi là ‘pháp’ (*dharma*). Do vô số loại tính cách và mức độ căn

cơ, có vô số lối vào con đường tâm linh, vô số kinh nghiệm thiền định và vô số mục tiêu thì hiện hữu một cách vốn có như là những thuộc tính tự nhiên - cách này gọi là ‘thân’ (*kaya*).

“Sự phô diễn hiện tại tự phát của những thân và trí huệ nguyên sơ là vốn toàn thiện như là những thuộc tính tự nhiên được thọ hưởng. Đây là báo thân.

“Một ý định hữu thức phóng ra những thân lưu xuất không lìa khỏi bản tánh. Tuy nhiên, những lưu xuất hóa thân - của những bậc thầy giác ngộ, những nhà nghệ thuật, những vị thầy tái sanh và vật vô tri - biểu lộ theo một cách mà chúng không gì khác hơn là nền tảng của bản thân hiện thể. Bốn phương thức lưu xuất này biểu lộ qua liên hệ duyên sanh khi có sự đồng bộ của một thức quan niệm ra một cái tôi, giống như một thau nước (có thể phản chiếu), và những phẩm tính của hư không căn bản của Phật tánh, như những tinh tú trên trời.

“Thực ra, thế giới không nằm ngoài sự phô diễn của ba thân. Từ ngữ ‘pháp thân’ ám chỉ phương diện bản tánh tinh túy của nó như là tánh Không; ‘báo thân’ là phương diện bản tánh vốn sẵn của nó như hiện diện tự nhiên; ‘hóa thân’ là phương diện của sự biểu lộ riêng biệt của những hiện tượng hình tướng bề ngoài.

“Hơn nữa, từ ngữ ‘tự tánh thân’ hàm ý rằng chính nền tảng của hiện thể là bản tánh tinh túy của tất cả sanh tử và niết bàn, và rằng mọi sự là một vị trong cùng bản tánh tinh túy đó. Từ ngữ ‘thân’ hàm ý sự gom tụ mọi phương diện của trí huệ nguyên sơ và những phẩm tính tốt đẹp.

“Không có đổi dời nào trong ba thời, bản tánh tinh túy của hiện thể là ‘bất biến’, vì nó không biến đổi thành cái khác. Nó là không thể tổn hại, vì nó không bị bất cứ cái gì làm tổn thương. Nó là bất diệt, vì không bị hủy diệt bởi chính nó hay cái gì khác. Nó là chân thực, vì nó an trụ như là nền tảng chung của tất cả sanh tử và niết bàn. Nó là không thể hư hỏng, vì những yếu tố tốt và xấu không làm nhiễm ô nó. Nó là bền vững, vì thoát ngoài mọi chao đảo. Nó hoàn toàn vô ngại, vì nó xuyên thấu bất kỳ cái gì, kể cả những che chướng vi tế cái biết (sở tri chướng). Nó hoàn toàn vô địch, vì không có đối tượng hay duyên nào vượt thắng được nó.

“Nhu vậy, bản tánh của kim cương bất hoại có bốn sự bảo đảm: trừ người có đạo tâm với nghiệp thích hợp và phước đức, không chúng sanh nào chứng ngộ được nó; một khi nó được chứng ngộ và đưa vào thực hành, không thể không có một tin cậy kiên cố vào nó; một khi đã có sự tin cậy, không thể nào không có giải thoát; và tất cả những ai đã tìm ra giải thoát không thể nào không giác ngộ Phật quả.

“Sự hiện diện vốn sẵn của năm thân này như là những thuộc tính tự nhiên của bản thân nền tảng của hiện thể là chân lý tối hậu; sự diễn giải về chúng như tách biệt với nền tảng này thì ở cấp độ của cái gọi là ‘chân lý tương đối’ và ‘con đường của phương tiện thiện xảo’.

“Sau đây là căn cứ để diễn tả những bản tôn theo những gia đình hay bộ, tương đương với những loại chúng sanh bảm chấp. Bởi vì bản thân nền tảng của hiện thể là thanh tịnh đến độ những méo mó của những khuôn khổ thói quen được xóa sạch trong hư không căn bản, từ ngữ ‘xóa sạch’ (*sang*) được sử dụng. Bởi vì trí huệ bản nguyên và những phẩm tính tốt đẹp thường hiện bày, từ ngữ ‘hiện bày’ (*gyay*) được dùng [và do đó có Phật bộ (*sang-gyay*)]. Bởi vì hiện thể chúng sanh có bảy thuộc tính kim cương bất khả hoại, có Kim Cương bộ. Bởi vì nó tác dụng như nguồn của tất cả các thân và các phương diện của trí huệ nguyên sơ, có Bảo Sanh bộ. Bởi vì nó không bị nhiễm ô bởi bất kỳ tỳ vết khuyết điểm nào, nó là Liên Hoa bộ. Bởi vì những hoạt động giác ngộ được thành tựu trọn vẹn, có Nghiệp bộ. Từ ngữ ‘bộ’ hay ‘gia đình’ diễn tả những nhóm họp tương ứng theo kiểu mẫu này.

“Sau đây là một giải thích về năm cõi tịnh, chúng tương ứng với sự bảm trụ vào lãnh thổ của chúng sanh. Từ sự dày đặc những phẩm tính tốt hiện diện tự nhiên trong nền tảng của

hiện thể như là hư không căn bản, có cõi Phô Bày Dày Đặc (*Tugpo Kodpa*). Bởi vì nền tảng của hiện thể được phú bẩm niềm vui tối thượng, niềm vui này không do bất kỳ đối vật, điều kiện hay tác nhân nào đem tới, có cõi Niềm Vui Biểu Lộ (*Ngonpar Gawa*). Bởi vì nó được phú bẩm vinh quang đầy dẫy của trí huệ nguyên sơ và những phẩm tính tốt, có cõi Vinh Quang Phú Bẩm (*Paldang Danpa*). Bởi vì nó được phú bẩm trí huệ nguyên sơ của phúc lạc bất tận và tánh Không, có cõi Cực Lạc (*Dewachan*). Và bởi vì có sự trọn vẹn rất ráo toàn thiện của mọi hoạt động tịnh hóa và tự do, có cõi Hoạt Động Trọn Vẹn và Rất Ráo Toàn Thiện (*Layrab Dzogpa*). Từ ngữ ‘trường’ (*zhing*) chỉ hư không căn bản; từ ngữ ‘cõi’ (*kham*) chỉ cái không là gì khác hơn ‘cái cấu thành nền tảng’ của hiện thể. Bởi vì những phẩm tính tốt của nền tảng của hiện thể thì không thể đo lường, từ ngữ ‘vô lượng’ được dùng. Bởi vì chúng hoàn toàn lấp đầy toàn bộ sanh tử và niết bàn, từ ngữ ‘lâu đài’ (*khang*) được dùng.

“Khi ánh sáng vốn sẵn bên trong của nền tảng của hiện thể chúng sanh tỏa khắp như hư không căn bản đã hiển hiện rõ ràng bởi trí huệ tối thượng, toàn khắp và siêu việt, tức có Vairocana (*Tỳ Lô Giá Na*) ‘Sự Biểu Lộ Rành Mạch’ (*Nampar Nangdzad*), của mọi trí huệ nguyên sơ và mọi phẩm tính tốt của nền tảng của hiện thể, nghĩa là của Phật tánh như là ‘cái cấu thành nền tảng’ của chúng sanh. Bởi vì nó được phú bẩm

bảy thuộc tính kim cương bất hoại và thoát khỏi dao động trong ba thời, tức có Akshobhya (*A Súc Bệ*) ‘Kim Cương Không Lay Chuyên’ (*Mikyod Dorje*). Bởi vì nó là cội nguồn của mọi yếu tố của con đường và quá, và được phú bẩm đầy đủ phẩm tính tốt tuyệt hảo, tức có Ratnasambhava, ‘Nguồn của Quý Báu’ (*Rinchhen Jungdan*). Amitabha, ‘Sáng Tỏ Vô Cùng’ (*Nangwa Ttiayay*), ám chỉ phương diện vô cùng của nền tảng của hiện thể chúng sanh biểu lộ như là những hiện tượng hình tướng. Bởi vì tất cả những đề mục của thực tại hiện hữu theo cách tự hữu, tức có Amogasiddhi ‘Thành Tựu của Nghĩa’ (*Donyod Drubpa*).

“Tánh Không kim cương tối hậu là hư không trong đó mọi hiện tượng của sanh tử và niết bàn biểu lộ trong phương diện đến và đi (*dro*), thế nên có Vajradakini. Ratnadakini là phương diện tính tự hữu của tất cả trí huệ nguyên sơ và những phẩm tính tốt, tương tự một nhà kho ngọc quý. Padmadakini biểu thị phương diện thoát khỏi mọi bám luyến. Karmadakini chỉ rằng mọi hoạt động của thân hiện diện tự nhiên và của trí huệ nguyên sơ là tự hữu, không do cố ý nỗ lực. Bởi vì những méo mó do những phiền não (phiền não chướng) và vô minh đối với cái ta có thể biết được (sở tri chướng) bị xóa sạch trong hư không căn bản và trí huệ nguyên sơ cùng những phẩm tính tốt hiển lộ, từ ngữ ‘Phật’ được dùng. Và bởi vì trong cõi hư không bao la (*kha*) của tánh Không tối thượng mọi hiện tượng hình

tướng của sanh tử và niết bàn biểu lộ như những phương diện đến và đi (*dro*), từ ngữ ‘dakini’ (*khadro*, ‘người đi trên không trung’ hay ‘người nhảy múa trong không trung’) được dùng.

“Phương diện nền tảng của pháp thân, Phật tánh, trở nên hiển lộ rõ ràng như là nguyên lý thấm nhập khắp tất cả sanh tử và niết bàn. Đây là phương diện nền tảng của trí huệ vốn sẵn như là tự do tối thượng đối với những giới hạn. Tất cả thực hành sadhana liên quan tới thực tại tối hậu được gồm như sau.

“Đạt đến sự làm chủ bẩm sinh, nhờ một tin chắc sâu xa vào phương diện trí huệ vốn sẵn (hay tánh giác vốn sẵn) như là bản tánh trong đó những nguyên lý tâm linh cao nhất đều hợp nhất, là lấy bản tánh nền tảng của thực tại làm sự quy y tối hậu và vô thượng.

“Trải qua vô số đời từ vô thủy, phạm vi trí năng của con đã bị hạn cuộc ngặt nghèo do quan niệm cái ngã là thật và bám chấp những đối tượng giác quan. Bây giờ con đã đạt đến quyết định rằng sanh tử và niết bàn là ảo ảnh của chỉ một trí huệ vốn sẵn duy nhất, bây giờ phạm vi tâm thức bình thường của con đã lớn lên. Đây là cái thiêng liêng nhất trong mọi phương cách phát Bồ đề tâm.

“Tâm thức bình thường của những quan niệm nhị nguyên

đối tượng và chủ thể là con quỷ lớn nhất của đời sống bị quy định khiến người ta lang thang trong vòng sanh tử. Trí huệ phân biệt siêu việt xua đuổi nó vào tánh Không, trong đó không có vật gì hiện hữu. Làm hiển lộ trí huệ siêu việt thấu hiểu vô ngã và vô tự tánh tạo thành vòng che chở của Bồ đề tâm, không bị đánh bại hay hủy diệt.

“Làm trút xuống sự ban phước tối thượng của trí huệ (hay tánh giác) nguyên sơ vốn sẵn vào trong cõi tối tăm của sự không nhận biết trí huệ (hay tánh giác) vốn sẵn tạo thành giai đoạn thực sự của việc cầu ban phước.

“Với sự chứng ngộ rằng những hiện tượng hình tướng sanh khởi là sự trang hoàng của trí huệ vốn sẵn, sự phô bày tự-xảy ra của những kinh nghiệm giác quan tạo thành hành động cúng dường.

“Sự chuyển di từ ‘địa’ của tất cả kinh nghiệm bình thường vào pháp thân là phương diện địa ban đầu của Phật quả. Trí huệ siêu việt biết bản tánh nền tảng này đúng như nó là và đồng thời tri giác những sự vật trong sự đa thù của chúng, và như vậy bao gồm cái thức biết tất cả và giác ngộ toàn vẹn. Hai phương diện này của trí huệ siêu việt trở nên rõ ràng là sự hợp nhất những bí mật của tất cả các bậc chiến thắng và con cháu thừa kế của các ngài. Những cấp đầu tiên của chứng ngộ, con

đường của phương tiện thiện xảo là chúng hội các vị giữ gìn giáo pháp; từ sự làm chủ địa thứ tám và các địa cao hơn của chúng ngộ, đó là chúng hội của những bồ tát; và Phật quả thật sự, đó là chư Phật và những cõi tinh độ của chư Phật.

“Con đường của phương tiện thiện xảo giải thích ‘địa’ của mọi kinh nghiệm bình thường - sự không nhận biết tánh giác vốn sẵn - là Maheshvara và mọi khuôn khổ tư tưởng khởi lên từ đó là những hộ pháp của những giáo lý và tám loại thiên và long. Với phương diện địa ban đầu của pháp thân trở nên rõ ràng, những phương diện của trí huệ nguyên sơ tối thượng và tự hữu sanh khởi như là năng lực được xếp thành phạm trù và như thế được làm thành con đường phương tiện. Thực hành sadhana thực sự làm rõ ràng trạng thái giác ngộ tối hậu của Phật quả; tất cả những sadhana và mạn đà la được xếp vào trong cái này và thành tựu trong đó.

“Giai đoạn triệu thỉnh là làm rõ ràng bản tánh nền tảng, nghĩa là, làm sự chuyển di từ mọi hiện tượng của ba cõi sanh tử đến sự phô diễn của thật tánh tối thượng và độc nhất.

“Trụ vững trong địa của con một cách trực tiếp, thoát khỏi chuyên dòi, biến đổi trong ba thời, là cầu xin ở lại (thỉnh Phật trụ thế).

“Hành vi đánh lễ khi gặp ‘cái thấy’ mặt đối mặt là hành vi hoàn thành một cảm thức sừng sốt khi gặp khuôn mặt thật sự của chính con, phương diện địa ban đầu của pháp thân, cái thấy hùng vĩ nhất của những cái thấy.

“Sự phô diễn của những hiện tượng trong thật tánh của thực tại là hành vi tối thượng của cúng dường.

“Sự tán thán tối hậu là cảm thức của ngạc nhiên tán phục và tin chắc khi con thấy, đúng như nó là, bản tánh nền tảng của sanh tử và niết bàn là Đại Toàn Thiện.

“Sự phô bày của thân giác ngộ là vô số hiện tượng hình tướng biểu lộ riêng biệt rõ ràng. Sự phô diễn của ngữ giác ngộ là sự hoàn thiện và thành tựu trọn vẹn tự nhiên của chúng. Sự phô diễn của tâm giác ngộ là bản thân hư không căn bản như là tánh thanh tịnh bản nguyên, không có những giới hạn của những tạo tác ý niệm. Đó là những đặc tính của tánh giác (hay trí huệ) vốn sẵn như là Đại Toàn Thiện - những phẩm tính tốt phát khởi từ sự thấu suốt rằng sự phô diễn của các thân và tánh giác nguyên sơ này là không do tìm kiếm mà vốn hiện diện, những phẩm tính thành tựu sự làm chủ đối với bốn loại hoạt động giác ngộ. Một cách tương tự, hãy hiểu rằng bốn quán đánh thì đồng thời hoàn thiện và trọn vẹn trong sự tự hữu của sắc tướng, ngữ, tâm, trong những phẩm tính và những hoạt

động giác ngộ.

“Hiểu và chứng ngộ trạng thái hoàn thiện toàn vẹn đúng như nó là, đó chính là Đại Toàn Thiện. Trước đây con đã lang thang trong vòng luân hồi do thiếu một cái hiểu như vậy. Dù xưa nay vốn đã có toàn thiện, nhưng cái này đã bị che tối do không nhận biết tánh giác vốn sẵn. Giống như nước vốn tự do trôi chảy, đã bị giới hạn lại, bị đóng thành băng, hay như vàng và ngọc đã bị bỏ qua không được nhận biết và như vậy không dứt được cảnh đói nghèo.

“Một cách rốt ráo, tánh giác hay trí huệ nguyên sơ và những phẩm tính của nền tảng của hiện thể, Phật tánh, là toàn thiện và viên mãn như là năng lực nguyên tuyền của nền tảng đó, những diễn giải về những cái ấy tức là những mạn đà la riêng biệt của những yếu tố nâng đỡ và được nâng đỡ chính là những phương tiện thiện xảo để đưa những người chưa được điều phục – những người gán cho sự vật tính thường còn - trên con đường tương đối của nỗ lực đi đến hư không căn bản vốn không có nỗ lực. Thế nên, được trang bị bởi ba yếu tố then chốt - quang minh, thanh tịnh và tánh Không - người ta được đưa đến hư không căn bản của mục đích tối thượng.”

Nói rồi, ngài biến mất.

Chương XI

Lý do thực hành những quán tưởng bốn tôn và các cõi tịnh độ

Vào một dịp khác, trong một thị kiến tôi gặp Orgyan Tsokyey Dorje vinh quang và hỏi ngài câu hỏi sau đây: “Thưa bậc thống nhiếp và bảo bọc bốn nguyên, vì lý do gì mà những quán tưởng và những thực hành sadhana liên quan đến các tịnh độ, các trụ xứ vô lượng và những bốn tôn được chỉ dạy?”

Ngài ban cho tôi sự trả lời sau đây: “Những vũ trụ trải khắp hư không là thể lực ma quý vô minh bên ngoài của cái thấy có tự tánh. Cái đối trị cho điều này là thanh lọc chúng thành những cõi tịnh độ tạo bởi ánh sáng lưu xuất.

“Ở cấp độ bên trong, quan niệm chỗ ở và giàu sang cũng như thân thể của mình để được hưởng thụ, là thể lực ma quý bên trong của cái thấy có tự tánh. Cái đối trị cho điều này là thiên định về những trụ xứ vô lượng và những bốn tôn.

“Trong mọi lúc và trong mọi cách, có cái thức tiềm ẩn dính

liền nhau không dứt cảm nhận một biện tượng hình tướng biểu lộ như là một tự ngã, như cái tôi, là thể lực ma quỷ bí mật của cái thấy có một bản ngã, sợi dây xuyên suốt tất cả những trạng thái của tâm thức bình thường và những hiện tượng hình tướng của vòng sanh tử. Cái đối trị cho điều này là nắm giữ chắc sự kiêu hãnh của bốn tôn.

“Nếu không hiểu những điểm then chốt này, có người chênh mãng với sự quán tưởng rõ ràng và với sự nắm giữ kiêu hãnh kim cương, và chỉ tập trung vào trì niệm những thần chú. Có người chấp những bốn tôn và các cõi tịnh độ là những thực thể tự lập, và như vậy dù họ có thực hành sadhana họ không giác ngộ Phật quả. Như thế, con phải hiểu những điểm then chốt này!”

Nói xong ngài biến mất.



Ekajati

Chương XII

Những danh hiệu của thực tại tối hậu

Vào một dịp khác, tôi gặp nữ hoàng cao cả nhất của hư không căn bản Ekajati trong một thị kiến, tôi hỏi như sau: “Thưa ngài, người ba duy nhất của tất cả sanh tử và niết bàn, đường lối tiếp cận tâm linh vui thích trong bầu trời bí mật của nữ hoàng cao cả nhất của hư không căn bản, trong tánh Không tối thượng của sanh tử và niết bàn được đặt tên là gì?”

Ngài ban cho sự trả lời sau đây: “Hỡi con nhỏ của mẹ, ta đã cho con toàn bộ trao truyền dòng tâm truyền tâm như ban cho con một thân thể. Ta đã nuôi nấng dạy dỗ con với dòng truyền qua biểu tượng như cho con bú sữa mẹ. Ta đã nuôi lớn trí con, ban cho dòng khẩu truyền như lời khuyên chân thành. Hãy chỉ những điều này cho những người phước đức cần được điều phục, họ có một mối liên kết với con bởi nghiệp và bởi nguyện vọng. Tất cả những người có liên kết với con sẽ tìm thấy mục tiêu và ý nghĩa trong những điều này.

“Tên ta được đặt cho pháp oai nghiêm nhất này trong mọi

đường lối tiếp cận tâm linh. Tất cả những âm thanh nghe được đều là tên của ta, và như thế sự phô diễn trùm khắp bầu trời của người mẹ hưởng thụ hư không, cái bí mật vô thượng và rất ráo, được gọi bằng nhiều từ ngữ, nhưng ở đây ta sẽ chỉ nói đến bảy tên.

“Bởi vì pháp này gồm hai loại bí mật vĩ đại, nên nó được đặt tên là ‘bí mật’; bởi vì nó che chở người ta khỏi những hậu quả đáng sợ của việc tạo ra ý niệm về một bản ngã và những ý niệm về một đặc tính xác định của bản ngã đó, nên nó được đặt tên là “mantra” (thần chú) . Nó được đặt tên là kim cương (vajra) bất hoại của thực tại tối hậu. Những phẩm tính của mọi con đường được chung cất thành tinh túy của chúng nên nó được đặt tên là ‘yana’, thừa, hay ‘đường lối tiếp cận tâm linh’.

“Vì nó trụ như là cách thể hiện hữu rất ráo của mọi hiện tượng, nó được đặt tên là ‘nghĩa’; vì nó là cái chứng ngộ tối cao, nên nó được đặt tên là ‘thiên liêng’. Nó là sự lọc bỏ mọi lỗi lầm và méo mó; nó là sự làm chủ trọn vẹn bên trong và trùm khắp mọi phẩm tính của những thân, tánh giác nguyên sơ, con đường và đích đến; và nó là tâm, trụ như sức sống độc nhất của ba kim cương, nền tảng cho sự sanh khởi của trò phô diễn dị biệt của mọi vật trong sự thanh tịnh bình đẳng.

“Nó là sự toàn thiện (*dzog-pa*) của ba cách thể - sanh tử,

niết bàn và con đường; nó là ‘đại’ (*chen-po*), bởi vì nó vận hành như nền tảng chung của mọi con đường tâm linh, gom tất cả chúng vào một mục tiêu duy nhất và hội tụ chúng về một điểm duy nhất.

“Bởi vì nó vượt khỏi mọi góc cạnh của ý niệm, nó là ‘bin-du’, hay quả cầu (*t’hig-le*); bởi vì sanh tử và niết bàn là một vị trong Bồ đề tâm, nó là ‘duy nhất’.

“Bởi vì cõi giới của tánh giác vốn sẵn, Phật tánh, là trong suốt vi diệu, không có bất kỳ nhiễm ô nào, nó là ‘quang minh toàn triệt’, bởi vì nó được phú bẩm bảy đặc tính của kim cương bất hoại, nó được đặt tên là kim cương; và bởi vì nó trụ như tinh chất của tất cả hiện tượng của sanh tử và niết bàn, nó được gọi là ‘tinh túy’.

“Bởi vì mọi hiện tượng của sanh tử và niết bàn được gồm trong sự bao trùm của Phật tánh và đều ở trong một trạng thái hoàn hảo trọn vẹn (*viên dung*), nó là sự hoàn hảo (*viên dung*) trùm khắp của sanh tử và niết bàn’.

“Bởi vì nó không có mọi thứ sanh, chết, già, nó là ‘trẻ trung’; bởi vì không có sự xâm phạm nào có thể có được với sự hiện diện trùm khắp tự nhiên của nó, nó là ‘cái bình’; và bởi vì nó vốn là sự tập hợp hay quy tụ của mọi phẩm tính và

phương diện tốt đẹp của tánh giác nguyên sơ, nó là ‘thân’.”

Nói xong, đức bà biến mất.

Tôi sẽ nói chi tiết hơn về lời giảng giải của đức bà bằng cách giải thích tất cả những phẩm tính tốt đẹp của con đường của chín thừa là hoàn thiện và trọn vẹn như thế nào.

Trong thừa Thanh Văn, người ta tri giác rằng mọi hiện tượng hình tướng biểu lộ như một cá thể - nghĩa là, tất cả những căn cứ cho một quan niệm một cái ngã – đều không có tự tánh. Thừa Độc Giác Phật là sự chứng ngộ rằng những thực thể, cả bên ngoài và bên trong, chỉ là những hình tướng như huyễn của liên kết duyên sanh tướng thuộc. Trong thừa Bồ tát, năng lực chứng ngộ tánh Không khởi lên như là bản tánh thiết yếu của lòng bi, bao trùm mọi phương diện của phương tiện thiện xảo và trí huệ siêu việt một cách tất nhiên không có gắng.

Những phẩm tính tốt đẹp của ba đường lối tiếp cận này, đưa người ta ra khỏi nguồn gốc của khổ đau, là hoàn thiện và trọn vẹn theo cách mỗi thừa cao hơn bao gồm những thừa thấp hơn.

Thừa kriyatantra là thừa làm vui thích bốn tôn bằng những

thực hành khổ hạnh và thanh tịnh trong nghi lễ. Trong thừa upayatantra, thần lực (siddhi) được thành tựu nhờ tụng chú và nhập định. Thừa yogatantra là yoga của an định và huệ quán, của việc thấy sự ban phước của hư không căn bản, nó hoàn toàn vắng dứt mọi đặc tính, ở trong mạn đà la tối thượng của hư không căn bản bất động, tức là kim cương giới.

Tất cả những phẩm tính và chức năng tốt đẹp của ba thừa này, chúng cầu gọi tánh giác (hay trí huệ) vốn sẵn bằng những thực hành khổ hạnh, vốn là toàn thiện và trọn vẹn trong hư không căn bản đơn nhất đồng khởi, bản tánh không thể diễn tả của tâm mình, tinh túy của thần lực (siddhi).

Mọi nhân tố trong thừa mahayoga, hay tantra cha, là thanh tịnh từ vô thủy trong pháp thân tối thượng như là sự không thể tách biệt của hai cấp độ cao hơn của chân lý, hay thực tại tối hậu với bảy đặc tính.

Trong thừa anuyoga, đặt nền trên những bình giảng, mạn đà la của Bồ đề tâm phúc lạc tối thượng là đưa con sanh từ sự hợp nhất của hai mạn đà la - một vốn hiện hữu như nó là một cách nguyên sơ và không có thời gian và một là sự hiện diện tự nhiên của tánh giác nguyên sơ. Trong mạn đà la của Bồ đề tâm này, thế giới của mọi hiện tượng có thể có đều hoàn thiện và trọn vẹn trong trạng thái thanh tịnh và bình đẳng tuyệt đối.

Đại toàn thiện là bản tánh cố hữu của thực tại. Quang minh toàn triệt là hư không căn bản độc nhất không trung tâm hay chu vi, trong đó phương diện nền tảng của hiện thể chính là phương diện của những hiện tượng hình tướng của hiện diện tự nhiên quý báu, tất cả tự-khởi không phân chia, phần mảnh hay rơi vào những cực đoan, nên không có tách biệt, như không có sự phân biệt giữa vàng và sắc vàng. Nghĩa của những thừa trước đồng thời được bao gồm trong cái Đại Toàn Thiện này - nghĩa là trong pháp thân không dời chuyển biến đổi, tánh giác vốn sẵn tuyệt đối không có mọi giới hạn, nền tảng của hiện thể như là hư không căn bản, chính là thật nghĩa của Phật tánh.

Sự trình bày những thừa này một cách riêng biệt thì không gì khác hơn một giải thích để dẫn dắt những người cần được điều phục trong những giai đoạn tiệm tiến.



Shri Simha

Chương XIII

Con đường Đại Toàn Thiện

Về sau, trong một thị kiến khi tôi gặp vua của các vị nắm giữ hiểu biết (vidyadhara), Shri Simha, tôi hỏi ngài câu hỏi sau: “Hỡi bậc thầy tôn kính, con xin ngài chỉ cho con con đường Đại Toàn Thiện là gì?”

Trước sự cầu xin của tôi, ngài ban cho sự trả lời sau đây: “Đại Toàn Thiện là nền tảng tối thượng chung của sanh tử và niết bàn, hư không căn bản tối thượng trong đó ba cách thái sanh tử, niết bàn và con đường đều toàn thiện và viên mãn.

“Hiểu bản tánh này như nó thực sự là, đây là cái thấy (tri kiến, kiến giải).

“Đạt được sự thông thạo trong nền tảng vô thượng bốn nguyên, nguyên sơ và không có thời gian này, bằng sự tự giác và mở rộng ở trong thật trạng hiện tiền của chính mình, là thiên định, tự do khỏi mọi khuôn khổ quy chiếu cố định. Đó giống như một giọt nước hòa với đại dương và trở thành đại

ương mà không làm biến chất nó, hay hư không trong một cái bình hòa với hư không bên ngoài tự do khắp suốt không đổi thay. Nền tảng của hiện thể hay tâm bình thường vốn không có trong hay ngoài nhưng rốt cuộc chia thành trong và ngoài là do sự vọng tưởng của chúng ta ra một tự ngã và tự tánh. Cũng như nước, hiện hữu trong một trạng thái trôi chảy tự do một cách tự nhiên, trở nên đông cứng thành băng dưới ảnh hưởng của gió lạnh, nền tảng của hiện thể hiện hữu trong một trạng thái tự do tự nhiên, nhưng toàn bộ quang phổ của vòng sanh tử đã được thiết lập chỉ do vọng tưởng tiềm ẩn về một tự ngã của cá nhân và một tự tánh của những hiện tượng.

“Hiểu sự kiện này, người ta buông bỏ ba loại hành động, tốt, xấu và trung tính, do thân tạo ra và ngồi như một xác chết trong nghĩa địa, không làm gì cả. Người ta buông bỏ ba loại hành động của ngữ như một người câm, cũng như ba loại hành động của tâm thức, an trụ không thi thiết, như bầu trời mùa thu không có những duyên ô nhiễm. Điều này được gọi là ‘thiền định quân bình chính thức’. Nó cũng được gọi là ‘bỏ mọi điều phải làm’ hay ‘không có điều gì để làm’, bởi vì mọi cách thức hoạt động đã buông bỏ, và ‘vượt khỏi tâm lý trí bình thường’, bởi vì không có sự thi thiết, tạo tác của tâm lý trí bình thường. Trong bối cảnh của điểm then chốt này, người ta sẽ khám phá một sự tin cậy kiên cố vĩ đại.

“Hơn nữa, vào mọi lúc khi đi, ngồi, di chuyển, cử động, tụng chú, nói, suy nghĩ hay hành động kiểu gì khác, không để mắt viền cảnh của cái thấy của mình, người ta tỉnh giác rằng thế giới của tất cả mọi hiện tượng có thể có thì như huyễn. Không mất sự tự tin kiên cố vào thiên định của mình, người ta tỉnh giác bản tánh hiển lộ rõ ràng. Và không xao lãng trong cư xử, người ta dựa vào một cách đúng đắn bốn loại hạnh đích thực. Đây là những điểm then chốt để nương dựa cho đến ngày chấm dứt cuộc đời. Đây là thiên định vốn tự do thoát khỏi tâm lý trí bình thường.

“Điểm then chốt của hạnh là từ bỏ những hành động không đức hạnh của thân và ngữ như thuốc độc, không quá nhấn mạnh vào cái thấy đến độ hy sinh hạnh bằng cách nghĩ rằng bởi vì mọi sự đều không mà người ta sẽ không bị nhiễm ô bởi những khuyết điểm bất kể người ta cư xử thế nào. Người ta phải bình an, tự điều phục và cẩn trọng, như một người đang ra trước tòa đại hình.

“Ngược lại, do bám chấp vào những hành động đức hạnh thứ yếu của thân, ngữ, ý, cho chúng là sâu xa, người ta sẽ coi nhẹ cái thấy và thiên định chân chánh. Nếu người ta tiêu dùng cuộc đời làm người của mình chỉ để tích tập công đức trong vòng sanh tử, thì người ta bèn bị trói buộc dù bởi những sợi xích bằng vàng. Không quá nhấn mạnh vào hạnh đến độ hy

sinh cái thấy, người ta phải sống như con sư tử tuyệt oai hùng đi dạo trên băng tuyết, không có con thú nào làm cho bối rối.

“Nhất là, nếu người ta theo những người nói rằng dù người đã chứng ngộ tánh Không cũng phải trau dồi lòng bi ở chỗ khác, tương tự như nói rằng dù có nước người ta phải tìm tính ướt ở chỗ khác, dù có lửa phải tìm sức nóng ở chỗ khác hay đang được gió thổi mà lại tìm sự mát mẻ ở chỗ khác. Kinh nghiệm rất ráo và quyết định chứng nghiệm sanh tử và niết bàn chính là tánh Không tối thượng là Bồ đề tâm rất ráo, đó là lòng bi hướng thụ sự thanh tịnh bình đẳng của sanh tử và niết bàn.

“Có những người, một khi đã được trực tiếp giới thiệu vào và hiểu biết những điểm then chốt và những tiến trình căn bản của cái thấy và thiền định đúng như chúng là, lại đi đến sự xét đoán cho là chỉ riêng sự giới thiệu này là đủ rồi. Vẫn còn bám chấp những sự việc cần làm trong vòng sanh tử, họ phí phạm những cuộc đời làm người của họ trong đủ loại hạnh đặt nền trên tham luyến và ghét bỏ. Tất cả cái thấy và thiền định của họ bị chìm ngập bởi những hành động và hoạt động của vòng sanh tử.

“Những kinh nghiệm thiền định phù du xảy ra khi đó tâm thức bình thường và dòng thức giác thì khác với trước kia.

Những kinh nghiệm về lạc thúc đẩy người ta đến tái sinh làm một vị trời cõi dục; những kinh nghiệm sống động về sáng tỏ thúc đẩy người ta tái sinh vào cõi sắc; những kinh nghiệm về cái không - sự xuất thân, những trạng thái vô niệm giống như ngủ say, không nhớ hay tỉnh giác - thúc đẩy người ta tái sinh trong bốn trạng thái của cõi vô sắc. Không có một chút ý niệm mơ hồ về cái thấy tánh Không, người ta có thể quyết định theo một cách trí thức rằng tâm là trống không chỉ vì nó không thể được xác định như là một thực thể có thật, và người ta an định nhất tâm vào bối cảnh tánh Không đó. Cái thấy này thúc đẩy người ta đến chót đỉnh của đời sống hữu vi, nghĩa là tái sinh làm một vị trời trong trạng thái không tri giác.

“Cũng như người ta có thể gặp những biến động. Những biến động bên ngoài là những phô diễn dị thường khác nhau ảnh hưởng đến giác quan, như những điềm triệu xấu là những mưu toan của quỷ thần. Những biến động bên trong là bệnh tật và đau trong thân. Những biến động bí mật là những dao động tâm trạng không duyên cớ. Nếu người ta ý thức những khuyết điểm kín đáo này, chúng đều là những kinh nghiệm hư giả, và đạt đến một quyết định về chuyện này, chúng sẽ tự tan biến. Nếu người ta củng cố chúng bằng hy vọng và sợ hãi, chúng là thật, chúng có thể trở nên những trường hợp làm nguy hại tính mệnh, như những thời kỳ loạn thần. Trở nên bám chấp cứng ngắc vào những hiện tượng hình tướng biểu lộ như quỷ thần

sẽ là một nguyên nhân khiến một đại thiên giả thoái hóa thành một người rất thường tục.”

Nói thế, ngài biến khỏi tầm nhìn.



Zurchung Sheyrab Dragpa

Chương XIV

Phân biệt trí và thức

Vào một dịp khác, trong một thị kiến về sự biểu lộ tự xuất hiện của cõi thanh tịnh rất ráo Akanishtha (Ogmin), là cảnh một nghĩa địa đầy những ngọn lửa cháy sáng, tôi gặp Zurchung Sheyrab Dragpa. Tôi nói với ngài: “Thưa tôn sư đáng kính, xin ban cho con tinh túy sâu xa nhất của tám giác ngộ của ngài, một giáo huấn trong vài lời cô đọng ý nghĩa,”

Trước sự thỉnh cầu của tôi, ngài ban cho sự trả lời sau đây: “Hãy nghe, người cầu đạo, vì trong con đồng thời có những tích tập công đức và trí huệ nguyên sơ, những nguyện vọng và những khuynh hướng nghiệp được củng cố từ vô số kiếp. Nếu con muốn đạt đến trạng thái toàn giác và Phật quả, hãy làm vui lòng thầy con với lòng sùng mộ nhiệt thành trong mọi đức hạnh của con, tu hành không ngừng lòng từ ái và cái nhìn thanh tịnh đối với những anh em đồng tu, nỗ lực cho giải thoát và toàn giác bằng lòng bi mãnh liệt đối với chúng sanh và bỏ đi những việc trong vòng sanh tử, luôn luôn nghĩ đến bản chất của mọi thứ hợp tạo là vô thường. Những điểm để ở yên trong

lãnh vực không có gì hơn nữa để làm này là tinh túy sâu xa và cao cả nhất của toàn bộ Phật pháp thiêng liêng.

“Sau đây là ba điểm then chốt: Không lãng phí những giáo huấn tâm linh của con là phụng sự cho vị thầy linh thánh; tôn kính thệ nguyện của con không giả dối là ‘hòn đá tinh thần’ của những bổn tôn và hộ pháp; và hòa trộn cuộc đời người này với Phật pháp là cảm thấy trong tâm con không có gì chưa hoàn tất vào lúc chết.

“Hãy giữ thệ nguyện và những giới luật như giữ mạng sống của con, vì đây là điểm then chốt bảo đảm cho một đại thiên giả không thoái hóa thành người rất tầm thường. Hãy tuân thủ sự bằng lòng về những thích thú giác quan - đây là lời khuyên khiến không bị ngu muội bởi những đối tượng giác quan hèn kém. Hãy hiểu rằng vòng sanh tử là vô tự tánh - đây là lời khuyên cắt đứt những bám chấp của thích và ghét.

“Hãy biết rằng cũng như vòng nhang cháy liên tục, những hành động được làm trong sanh tử thì không có điểm ngừng - đây là giáo huấn trao huyền trực tiếp làm cho chúng chấm dứt.

“Trước tiên người ta khai triển cái hiểu bằng cách nương dựa vào tu hành, về sau, người ta khai triển kiến giải bằng cách khởi phát kinh nghiệm cá nhân trong dòng tâm qua khảo

sát và phân tích. Nhưng chỉ bằng cái hiểu và kiến giải như vậy chưa đủ đem đến giải thoát; cũng như có thực phẩm mà người ta không no vì không ăn.

“Như bóng tối không còn khi bình minh ló dạng, khi người ta đã buông bỏ mọi loại hoạt động, người ta đạt được vững chắc trong thể trạng hiện tiền của chính mình qua sức mạnh của thiền định. Vào thời điểm không có sự phân mảnh của tâm bao quát của tánh giác vốn sẵn, người ta khám phá một sự tin chắc bẩm sinh bên trong vào thể trạng hiện tiền của chính mình.

“Dù đến điểm này, người ta vẫn chưa giác ngộ Phật quả. Khi những hình tướng hiện tượng tiêu dung trong chân tánh của thực tại, có sự trải rộng tự do trong cõi giới của hư không căn bản trùm khắp và tối thượng siêu vượt khỏi sự méo mó nhỏ nhất của hiện tượng hình tướng và tâm bình thường của sanh tử. Người ta đã đạt đến cấp độ của tự do. Hơn nữa, trong trường tri giác đó, dù một che chướng nhỏ nhất về cái có thể tri giác cũng bị xóa sạch không có gì còn sót lại, và sự làm chủ đạt được chính là tánh giác nguyên sơ tối thượng thấu rõ tánh và tướng của tất cả sự vật. Thế nên người ta giác ngộ Phật quả trong pháp thân như hư không, sự phô diễn bình đẳng của ba thân.

“Hồi đũa con của dòng giống cao cả, đặc tính của tâm bình thường (*sem*) là sự không nhận biết tánh giác vốn sẵn của nền tảng của hiện thể, với những tư tưởng phiêu dạt sanh ra rồi diệt mất là năng lực của sự không nhận biết này. Đặc tính của tánh giác vốn sẵn (*rig-pa*) là nền tảng của hiện thể rõ ràng hiển hiện, với thật tánh tối thượng không có thời gian và nguyên sơ thanh tịnh là năng lực của nó.

“Phương diện nền tảng của tánh giác vốn sẵn là tỉnh giác thấu suốt bản tánh của nền tảng của hiện thể. Phương diện con đường của tánh giác vốn sẵn là tỉnh giác sáng tỏ vi tế, thoát khỏi những nhân tố nhiễm ô, làm hiển lộ rõ ràng chân tánh của thực tại. Khi hai phương diện này là đồng thời, đây là Đại Toàn Thiện, tánh giác vốn sẵn và toàn khắp.

“Từ ‘thức ý niệm hóa’ (*vid*) để chỉ thức làm hiển lộ tất cả những hiện tượng hình tướng khởi lên, chúng là những tạo tác của tư tưởng phiêu dạt. Từ ‘thức ý niệm hóa phiêu dạt’ (*vid-kyi-nam-shey*) để chỉ sự lưu thông không ngừng của sáu loại đối tượng giác quan tạo thành những hình tướng sanh khởi.

“Phương diện nền tảng của trí huệ siêu việt là thấu hiểu, đúng như nó là, trạng thái nền tảng của sanh tử và niết bàn là tánh Không tối thượng. Phương diện con đường của trí huệ siêu việt là con đường trực tiếp đưa vào sự lưu thông không

ngừng của tánh giác thông dong và rỗng rang. Khi hai phương diện này là đồng thời, ‘từ trí huệ siêu việt tỏa khắp’ được dùng.

“Từ ‘thức phiêu dạt’ để chỉ sự lưu thông không ngừng của những hình tướng giác quan khởi lên. Từ ‘năng lực vi tế của nghiệp’ để chỉ những khuôn khổ tư tưởng phiêu dạt gán cho những hiện tượng hình tướng là có hiện hữu thật. Toàn bộ phạm vi của vòng sanh tử được thiết lập hoàn toàn từ sự đồng bộ của những phương diện thô và tế của thức ý niệm hóa như vậy,

“Tánh giác (hay trí huệ) nguyên sơ (*ye-shey*) biết thật tánh của mọi sự, nó biết trạng thái nền tảng của bản tánh của thực tại, tức là Phật tánh. Tánh giác nguyên sơ tri giác sự đa thù của những sự vật là sự lưu thông không ngừng của tánh giác (hay trí huệ) biết tất cả, nhận thức tất cả. Tánh giác này vận hành khi trạng thái nền tảng của tánh Như, thật tánh của thực tại, được hiện tiền. Sự mở rộng khắp của những cái này được đặt tên là ‘tánh giác’ (hay trí huệ) nguyên sơ vốn bình đẳng thanh tịnh.

“Do không nhận biết tánh giác vốn sẵn của nền tảng của hiện thể mà phát sanh một trạng thái nghiệp hung tính. Vô số phương diện của năng lực vi tế của nghiệp chuyển động trong thức nền tảng a lại da của mọi kinh nghiệm bình thường, giống

như vô số hình ảnh biểu lộ trong trạng thái ngủ mộng. Đây là nền tảng hay gốc rễ của tất cả vòng sanh tử. Nhưng thật ra mọi hình tướng hiện tượng đều hiện diện một cách rỗng rang thông dong trong cõi giới của sự phát lộ trực tiếp của tánh thanh tịnh tối thượng bình đẳng của sanh tử và niết bàn, thật tánh của thực tại không dấu vết giới hạn của những tạo tác ý niệm. Đây là pháp thân Samanta-bhadra (Phổ Hiền).

“Hồi đũa con của dòng giống cao cả, mọi phản chiếu của mặt trăng và những vật khác trong nước là sự phô diễn của nước và không ra ngoài nước. Toàn bộ vũ trụ sống động và vô tri như là cái chứa đựng và những cái được chứa đựng là sự phô diễn của hư không và không ra ngoài hư không. Toàn bộ sanh tử và niết bàn là sự phô diễn của thật tánh duy nhất của thực tại và không ra ngoài thật tánh của thực tại.

“Nhu thế, khi phương diện nền tảng của pháp thân, sâu thẳm và sáng tỏ một cách tối thượng, đã hiển lộ rõ ràng, pháp thân là bản tánh tinh túy của sự thanh tịnh bình đẳng của sanh tử và niết bàn. Báo thân là bản tánh cố hữu như là tánh giác nguyên sơ và những phẩm tính tốt đẹp. Hóa thân là sự đáp ứng nhanh nhạy của lòng bi bảm sinh, vốn quang minh, không bị che chướng. Sự phô diễn của ba cái này là thực tại tối hậu.

“Từ ‘thức nền tảng a lại da của mọi kinh nghiệm bình

thường' để chỉ một sự thiếu tỉnh giác đối với bản tánh của nền tảng của hiện thể vốn thanh tịnh. Từ 'thực tại tương đối' để chỉ những hiện tượng hình tướng chúng là năng lực, và những biến cố tâm thức bình thường chúng là sự phô diễn, khởi lên từ sự tỏa sáng hướng ra ngoài của sự không nhận biết này.

“Đã hiểu như vậy mọi nhánh của sự phô diễn, của tạng bao trùm tất cả, của sự tỏa khắp và trải khắp, người ta quyết tâm bước vào thật tánh của thực tại vốn luôn luôn trực tiếp hiện tiền - vào bản tánh tuyệt đối không thể diễn tả, xưa nay không một vật, một sự an trụ trong bản tánh nền tảng, vượt khỏi tâm thức lý lẽ bình thường, vĩnh viễn thông dong và rỗng rang. Hãy giữ điều này như là điểm then chốt tuyệt hảo nhất: Hãy thực hành tinh tấn cho đến khi con đạt được tánh giác nguyên sơ tối thượng và toàn giác.”

Nói xong, ngài biến vào không gian căn bản của thật tánh của thực tại.

Bản văn này được viết để đáp ứng cho những thỉnh cầu liên tiếp của Padma Lungtog Gyatso và Khyenrab Gyatso, hai vị thầy tái sinh có mối liên hệ nhiều kiếp với tôi bằng việc có chung nghiệp và những nguyện vọng. Tôi, Thrag-thung Dudjom Dorje Drolod Tzal, viết bản văn này từ kho tàng của pháp giới của sự phô diễn như huyền. Những dakini đã tiên tri rằng

khoảng sáu mươi tám người đạo tâm cao cả sẽ là người bảo hộ cho lời dạy này. Do lệnh của đức Orgyan vĩ đại, đây là dịp đầu tiên quy tụ những duyên lành (cho những lời dạy này được viết ra). Con trai ruột và linh thánh của tôi, học giả xuất sắc Sodnam Tandin (Dodrub Rinpoche), đã biên tập bản thảo một cách tỉ mỉ.

LỜI BẠT

Đức Ngài *Dudjom Rinpoche*,

Jigdral Yeshe Dorje

Bản văn này, được biết với tựa đề ngắn *Tinh Lọc Những Hiện Tượng Hình Tượng (Nang-jang)*, là một lời dạy khai triển chỉ cho thấy rằng sự đại toàn thiện của tánh thanh tịnh bản nguyên là bản tánh tối thượng đạt được bằng cách “cắt đứt sự bám chấp cứng đặc” (*threg-chod*). Rõ ràng nó đã được biên tập cách nào đó bởi *Dodrub Rinpoche*, người con trưởng của đức *Dudjom Lingpa*. Tuy nhiên về sau bản văn trở nên có các lỗi, vì vậy ngày nay có nhiều bản hỏng. Chính vì lý do này mà bằng nguyện vọng và hoạt động của người cầm quyền vinh quang *Thaiji Tsewang Rigdzin Nampar Gyalwa*, bản in lần này được sửa soạn như một kho tàng vô tận những tặng vật của Phật pháp, những xá lợi của pháp thân.

Khi những bản gỗ để in bản văn được cất trong phòng thờ

của lâu đài Samdrub Phodrang của người cha của một trong những đức Dalai Lama, tôi đã biên tập bản văn của lần xuất bản mới nhất này với sự chú tâm lớn lao vào tính chính xác. Tôi, Jigdral Yeshe Dorje, người mạo muội tự xem mình là một diễn viên múa như huyễn, một tái sinh của heruka vĩ đại và người nắm giữ tánh giác vốn sẵn, đã sửa soạn cho lần xuất bản nghiêm túc này. Nguyên nó được là một phụng sự lớn cho những giáo lý Đại Loàn Thiện của quang minh triệt để, và nguyện nó được phục vụ như là một nguyên nhân cho vô số chúng sanh có phước đức muốn được điều phục để tìm thấy tự do thật sự trong hư không căn bản bên trong vốn trực tiếp hiện tiền, nền tảng bốn nguyên của hiện thể. Tốt lành!

PHÂN TÍCH VÀ PHÁC HỌA CƠ CẤU

Quyển *Tinh Lọc Những Hiện Tượng Hình Tượng (Nang-jang)* một bản văn cắt Đứt Ngay Sự Chấp Cứng trong Đường
Lối Tiếp Cận của Đại Toàn Thiện

Namo guruye: Đánh lễ tôn sư!

Bản văn này, *Phật Quả Không Thiên Định*, gồm lời chỉ dạy về sự cắt đứt trực tiếp sự chấp cứng (*threg-chod*) để chứng ngộ tánh thanh tịnh bản nguyên trong đường lối Đại Toàn Thiện. Để giải thích những giai đoạn của giáo huấn, có ba tiêu đề được dùng: thuyết minh những nguyên nhân để viết ra giáo lý; phát lộ nghĩa của phần chính như là mục tiêu của việc soạn sách; và phần kết luận.

PHẦN MỘT: THUYẾT MINH NHỮNG NGUYÊN NHÂN ĐỂ VIẾT RA GIÁO LÝ

Phần này có ba đoạn: nói về tựa đề; bày tỏ sự tôn kính; và nói về bối cảnh.

I. Nói về tựa đề

Phật quả Không Thiên định

II. Bày tỏ sự tôn kính

Với đức tin không lay chuyển, tôi kính lễ bậc tối thượng,

bạc bảo vệ bốn nguyên... của tánh giác nguyên sơ.

III. Nói về bối cảnh

Ngày nay, khi năm loại thoái hóa... về tự tánh của những hiện tượng.

PHẦN HAI: PHÁT LỘ NGHĨA CỦA PHẦN CHÍNH NHƯ LÀ MỤC TIÊU CỦA VIỆC SOẠN SÁCH

Phần chính này có bốn đoạn: đạt đến một quyết định bằng cái thấy; áp dụng thực hành bằng thiền định; nâng cao chất lượng bằng hạnh; và làm thế nào quả trở nên rõ ràng.

I. Đạt đến một quyết định bằng cái thấy

Đoạn chính đầu tiên này có bốn phân đoạn: đạt đến kết luận xác quyết rằng mọi hiện tượng là tánh Không không thể diễn tả; đưa nền tảng của hiện thể là hư không căn bản quy về một tánh giác (hay trí huệ) nguyên sơ đơn nhất tự hữu; bao gồm sanh tử và niết bàn vào trong một hệ biến hóa của sự tỏa khắp đồng nhất, không có kẽ hở và không có thiên vị hay cực đoan; và nhảy vào một trạng thái của sự hiện diện tự nhiên tối thượng, của sự không cố gắng

vĩnh cửu và bền nguyên và quang minh vốn sẵn.

A. Đạt đến kết luận xác quyết rằng mọi hiện tượng là tánh Không không thể diễn tả

Phân đoạn này có hai phần: đạt đến một kết luận xác quyết về sự không có tự ngã của cá nhân con người và đạt đến một kết luận về sự không có tự tánh của những hiện tượng.

1. Đạt đến một kết luận xác quyết về sự không có tự ngã của cá nhân con người

Phần này có ba phần nhỏ, gồm đạt đến những kết luận xác quyết về nguồn gốc từ đó cái tự ngã được giả định này sanh khởi; nơi chốn nó ở trong khoảng giữa; và chỗ cuối cùng nó đến.

a) Khảo sát nguồn gốc ban đầu

Trước hết, chúng ta hãy xác định “tự ngã của cá nhân”... không có nguồn gốc đích thật nào như vậy cả.

b) Khảo sát nơi chốn khoảng giữa

Trong khi tìm chỗ ở của tự ngã... dù trong khoảnh khắc

thời gian.

c) Khảo sát chỗ đến cuối cùng

Tương tự, chúng ta cần đi đến một quyết định... chỉ như diễn tả sừng thỏ.

2. Đạt đến một kết luận xác quyết về sự không có tự tánh của những hiện tượng

Phần này có bốn phần nhỏ: tìm kiếm căn cứ của sự đặt tên; phá hủy quan niệm những sự vật là thường còn và có hiện hữu thật; bàn luận những khuyết điểm tiềm ẩn của lợi và hại; và phá đổ hang động giả dối của hy vọng và sợ hãi.

a) Tìm kiếm căn cứ của sự đặt tên

Phần nhỏ này có hai phạm trù: tìm kiếm những đối vật tối hậu cho sự đặt tên, như vậy đạt đến kết luận xác quyết rằng chúng trống không; và chỉ cho thấy phương diện biểu lộ của hiện tượng hình tướng sanh khởi từ tánh Không như sự phô diễn của liên kết duyên sanh như thế nào.

(1) Tìm kiếm những đối vật tối hậu cho sự đặt tên, như vậy đạt đến kết luận xác quyết rằng chúng trống không

Trước hết, nếu hạn tìm kiếm những đối vật tối hậu đã được gán tên... cho những đặt tên như vậy.

(2) Chỉ cho thấy phương diện biểu lộ của những hiện tượng hình tướng sanh khởi từ tánh Không như sự phô diễn của liên kết duyên sanh như thế nào

Một lần nọ, tôi gặp hiện thân như huyễn của trí huệ nguyên sơ của Orgyan Tsokyey Dorje... Nói thế, ngài biến mất.

a) Phá hủy quan niệm những sự vật là thường còn và có hiện hữu thật

Phần nhỏ này có ba phạm trù: thuyết minh hư không toàn khắp và không do tạo hợp có bảy thuộc tính; chỉ cho thấy những hiện tượng hợp tạo là không có hiện hữu thật và bất biến như thế nào; và giảng giải sự cắt đứt lương lực về những lý do cần thiết để hiểu những hiện tượng là trống không.

(1) Thuyết minh hư không toàn khắp và không do hợp tạo có bảy thuộc tính

Một lần khác, bậc nắm giữ tánh giác nội tại Duddul Dorje nói với tôi... nó bao giờ cũng vô địch.

(2) Chỉ cho thấy những hiện tượng hợp tạo là không có hiện hữu thật và bất biến như thế nào

Phạm trù này có ba đề mục:

(a) Chỉ cho thấy những hiện tượng thực sự trông không như thế nào

“Vì mọi sự vật khác bị vũ khí làm thương tổn... Nói thế, ngài biến mất

(b) Khảo sát sự đến và đi của những hình ảnh trong mộng và của sự sanh và chết để chắc chắn về điều này

Đã đạt đến một kết luận quyết định như vậy... bên ngoài hơn hay bên trong hơn thì cũng không xác đáng.”

(c) Đạt đến một cấp độ quyết định rằng những sự vật có vẻ xác định chỉ là những hiện tượng hình tướng

Tôi nói, “Thưa thầy... tất cả chỉ là những hiện tượng hình tướng bề ngoài.”

(3) Giảng giải sự cắt đứt lưỡng lự về những lý do

cần thiết để hiểu những hiện tượng là trống không

Phạm trù này có ba đề mục:

(a) Chỉ cho thấy những lỗi lầm của sự bám chấp vào thân, căn cứ chính cho sự sanh ra những quan niệm về có thật

“Thật là một sai lầm lớn lao khi không hiểu rằng cái biểu lộ như là thân thể...không có một mảy may hiện hữu nào trong đó.

(b) Xóa sạch những ý niệm sai lầm đối với một kết luận xác quyết như vậy

“Thêm nữa, dù con hiểu... sự khác biệt nào giữa phẩm chất của vàng.

(c) Chú tâm vào điểm then chốt, liên kết với một phân tích chi tiết về trí huệ siêu việt, phương tiện của chứng ngộ

“Từ ngữ ‘trí phân biệt’ ám chỉ trí huệ đạt được qua phân tích... Nói như thế, ngài tan biến.

c) Bàn luận những khuyết điểm ẩn tàng của lợi

và hại

Phần nhỏ này có ba phạm trù:

(1) Nhận ra những nguyên nhân xác định những đặc tính của lợi và hại

Vào một dịp khác, khi tôi gặp đại thành tựu giả Sara-ha... quyết định về thật tánh của thực tại.

(2) Khảo sát bản tánh cố hữu của những đối tượng giác quan biểu lộ như lợi hay hại

Phạm trù này có hai đề mục:

a) Khảo sát những hành động đức hạnh hay làm hại biểu lộ như lợi hay hại trong những đời tương lai

Đề mục này có hai điểm:

(i) Cách khảo sát hiện thực

“Mọi đức hạnh thiện về thân và ngữ... một sự kéo dài hiện hữu sanh tử.

(ii) Những lý do sự khảo sát là cần thiết

“Nếu con không đi đến một kết luận quyết định... đạt đến kết luận quyết định này.”

(b) Khảo sát những thần linh và ma quỷ biểu lộ như lợi hay hại trong đời này

Đề mục này có hai điểm:

(i) Cách khảo sát hiện thực

“Hơn nữa, khi cái được gọi là ‘những thần linh giúp đỡ và bảo vệ’... không hiện hữu một cách khách quan.

(ii) Một chứng minh những hình tướng xuất hiện mê lầm như là những kinh nghiệm thoáng qua

“Con người, dưới ảnh hưởng của mê lầm... thí dụ đơn giản là một giấc mộng.

(3) Giảng rõ ý nghĩa của một chứng ngộ như vậy

“Điểm then chốt ở đây là... ngài biến mất khỏi tầm nhìn.

d) Phá dỡ hang động giả dối của hy vọng và sợ hãi

Phần nhỏ này có ba phạm trù:

(1) Làm sụp đổ hang động giả dối xem Phật quả và những cõi tịnh độ phụ thuộc của nó là hiện hữu thật, như những đối tượng của hy vọng

Phạm trù này có ba đề mục:

(a) Phủ nhận sự bám chấp vào việc quan niệm Phật quả và những cõi tịnh độ phụ thuộc của nó là giới hạn cứu cánh nào đó

Vào một dịp khác, tôi gặp Vajrapani... cho những hiện tượng là có tự tánh.

(b) Cho mục đích đó, khảo sát năm giác quan và những đối tượng phụ thuộc của chúng và phủ nhận xem chúng là thật

“Dù chúng ta gán tên nó là gì... hơn những vị trời trong cõi sắc.

(c) Nhận chân Phật quả trong ý nghĩa xác quyết và tối hậu

“Trong ý nghĩa rốt ráo, nền tảng của hiện thể... thấu

hiểu điểm này.

(2) Làm sụp đổ hang động giả dối xem những trạng thái của vòng sanh tử và những sướng khổ phụ thuộc của nó là thật, như những đối tượng của sự hãi.

“Thêm nữa, thật vô lý... không có hiện hữu khách quan nào.

(3) Mô tả bằng những từ nhiều ý nghĩa sự đáng ca ngợi một chứng ngộ như vậy

“Như thế nếu con đi đến một kết luận... ngài biến mất khỏi tầm nhìn.

B. Đưa nền tảng của hiện thể là hư không căn bản quy về một tánh giác (hay trí huệ) nguyên sơ đơn nhất tự hữu

Phân đoạn này có ba phần:

1. Cách hiện thực để đưa nền tảng này quy về

Theo như vậy, sau một thời gian... Với những lời này, ngài biến mất. (Trọn chương VII)

2. Hai cách thức giải thoát và mê lầm biểu lộ từ nền tảng này

Phần này có hai phần nhỏ:

a) Một trình bày ngắn

Bảy năm sau, trong khi... nhận biết tánh giác vốn sẵn.”

b) Một giải thích dài

Phần nhỏ này có hai phạm trù:

(1) Những phẩm tính tốt về mặt niết bàn hiện diện như là những thuộc tính tự hữu như thế nào

Phạm trù này có bốn đề mục:

(a) Bốn thân và năm phương diện của tánh giác (hay trí huệ) nguyên sơ là hoàn thiện và trọn vẹn như là những thuộc tính tự nhiên -trong nền tảng của hiện thể như thế nào

“Nền tảng của hiện thể mình... trí huệ nguyên sơ thành tựu tất cả (thành sở tác trí).

(b) Bốn thân và năm phương diện của trí huệ nguyên sơ khởi hiện trong chính chúng và từ chính

chúng như những trạng thái tự nhiên của con đường như thế nào

“Như vậy con đường đến giải thoát trong Phật quả... trí huệ nguyên sơ thành tựu tất cả.

(c) Giải thích điểm đi lạc khi người ta đi con đường của mình từ một trạng thái thụ động của tỉnh giác nó không thấu hiểu một cách thể hiện như vậy

“Nhiều người không hiểu cách hiện hữu này... Thế nên đây là một đường lối khuyết điểm.

(d) Nhận diện trí huệ siêu việt đối nghịch với tâm bình thường và những động tâm để hiểu sự khác biệt giữa chứng ngộ và không chứng ngộ

“Từ ngữ ‘trí huệ siêu việt biết thật tánh của những sự vật đúng như nó là’... một giọt nước rơi trên mặt đất khô.

(2) Sự phô diễn của những hình tướng do mê lầm của sanh tử diễn tiến một cách ngẫu nhiên như thế nào

Phạm trù này có ba đề mục:

(a) Những hình tướng của năm nguyên tố diễn

tiến bên ngoài như thế nào

“Khi khuôn mặt thật... và năm nguyên tố biểu lộ không dứt.

(b) Tám thức hợp tạo và những đối tượng phụ thuộc của chúng diễn tiến bên trong như thế nào

“Sau đây là một bàn luận về... giấc mộng và trung ám.

(c) Một toát yếu của những điểm then chốt của những đề mục này

“Một số người chủ trương... trên đỉnh của đời sống hữu vi.

3. Một tóm tắt những điểm then chốt của phần đoạn này

“Như vậy, thế giới của mọi hình tướng xuất hiện... ngài biến khỏi tâm nhìn.

C. Bao gồm sanh tử và niết bàn vào trong một hệ biến hóa của sự tỏa khắp đồng nhất, không có kẽ hở và không có thiên vị hay cực đoan

Đoạn này có hai phần:

1. Từ phương diện biểu lộ của những hiện tượng hình tướng, thuyết minh sự tỏa khắp đồng nhất của chúng chỉ là những hình tướng xuất hiện như huyễn

Lại một dịp khác, khi tôi gặp Hungchhenkara... yoga tối thượng của huyễn.

2. Từ phương diện tánh Không, thuyết minh sự tỏa khắp đồng nhất của bản tánh cố hữu của những hiện tượng là không thật có

Phần này có hai phần nhỏ:

a) Thuyết minh ngắn gọn mọi sự được bao gồm bởi một thật tánh duy nhất như thế nào

“Hãy xem xét sự kiện... thật tánh duy nhất của tâm.

b) Giải thích rộng về điều này bằng cách nói rõ nhiều phân nhánh của sự tỏa khắp đồng nhất

Phần nhỏ này có ba phạm trù:

(1) Nói rõ rằng có sự tỏa khắp đồng nhất như là

bản tánh thiết yếu của hiện thể, vượt khỏi những đặc tính lợi và hại.

“Bản tánh của tâm... hiện hữu để bị ngăn ngại.

(2) Nói rõ rằng có sự tỏa khắp đồng nhất như là bản tánh thiết yếu của hiện thể, vượt khỏi những tạo tác của tám giới hạn

“Phương diện nền tảng của pháp thân... vẫn đang thường trụ.

(3) Nói rõ rằng có sự tỏa khắp đồng nhất làm mẫu mực cho ba lối đưa đến giải thoát

“Hơn nữa, nó là trống không... Nói thế, ngài biến mất khỏi tầm nhìn.

D. Nhảy vào sự hiện diện tự nhiên tối thượng của những phẩm tính không cố gắng vĩnh cửu và bản nguyên và quang minh vốn sẵn

Đoạn này có ba phần:

1. Thuyết minh tổng quát về phương tiện xảo và trí tuệ siêu việt xác quyết

Vào một dịp khác, trong một kinh nghiệm thiền định về sự sáng tỏ toàn triệt, tôi gặp Manjushri... với các tướng nhất định.

2. Giải thích chi tiết những phạm trù của những phẩm tính hiện diện tự nhiên này

Phần này có năm phần nhỏ:

a) Năm thân hiện diện tự nhiên như thế nào

“Sau đây là một giải thích... và ‘con đường của phương tiện thiện xảo’.

b) Năm bộ Phật hiện diện tự nhiên như thế nào

“Sau đây là căn cứ để diễn tả... tương ứng theo kiểu mẫu này.

c) Năm cõi tịnh độ hiện diện tự nhiên như thế nào

“Sau đây là một giải thích về năm cõi tịnh... được dùng.

d) Năm vị Phật bốn nguyên hiện diện tự nhiên như thế nào

“Khi ánh sáng vốn sẵn bên trong... ‘Thành Tựu của

Nghĩa’.

e) Năm dakini hiện diện tự nhiên như thế nào

“Tánh Không kim cương tối hậu... từ ngữ dakini được dùng.

3. Chỉ ra như thế nào những loại phẩm tính đặc biệt là hoàn thiện và trọn vẹn trong một cách chứng ngộ như vậy

Phần này có 3 phần nhỏ:

a) Những nhánh nghi thức liên hệ với chân lý tối hậu là hoàn thiện và trọn vẹn

Phần nhỏ này có hai phạm trù:

(1) Cách thức thật sự mà những nhánh này là hoàn thiện và trọn vẹn

“Phương diện nền tảng của pháp thân, Phật tánh... nói rồi, ngài biến mất.

(2) Giá trị của sự nói rõ giai đoạn phát triển là một đường lối cho phương tiện thiện xảo ở cấp độ tương đối

*Vào một dịp khác, trong một thị kiến tôi gặp Orgyan...
Nói xong, ngài biến mất.*

b) Lối tiếp cận này là hoàn thiện và trọn vẹn trong những từ ngữ cao cả dành cho nó như thế nào

Vào một dịp khác, tôi gặp nữ hoàng cao cả... Nói xong, đức bà biến mất.

c) Những phẩm tính của những lối tiếp cận của chín thừa là hoàn thiện và trọn vẹn trong cách tiến bộ hướng lên như thế nào

Tôi sẽ nói chi tiết hơn về lời giảng giải... trong những giai đoạn tiệm tiến.

II. Áp dụng thực hành bằng thiên định

Phần chính thứ hai này có hai phần:

A. Thuyết minh tổng quát thiên định là không có khuôn khổ quy chiếu

Về sau, trong một thị kiến khi tôi gặp vua của các vị nắm giữ hiểu biết Shri Simha... một tự tánh của những hiện tượng.

B. Giải thích chi tiết những giai đoạn của thiền định chính thống và kinh nghiệm hậu thiền định

“Hiểu sự kiện này... tự do thoát khỏi tâm lý trí bình thường.

III. Nâng cao chất lượng bằng hạnh

Phần chính thứ ba này có hai đoạn:

A. Tu hành để cho không mắc những sai lầm trong phán xét do lạm dụng cái thấy hoặc hạnh

“Điểm then chốt của hạnh... và hoạt động của vòng sanh tử.

B. Những điểm có thể lạc hướng khỏi con đường

Phần nhỏ này có hai phần:

1. Những điểm có thể lạc về những kinh nghiệm thiền định phù du

Những kinh nghiệm thiền định phù du trạng thái không tri giác.

2. Những điểm có thể lạc về những biến động

“Cũng như người ta có thể gặp những biến động... Nói thế, ngài biến khỏi tâm nhìn.

C. Thuyết minh những cách khác của hạnh hoàn hảo

Vào một dịp khác, trong một thị kiến về sự biểu lộ tự xuất hiện của cõi thanh tịnh rất ráo Akanishtha... trực tiếp làm cho chúng chấm dứt.

IV. Làm thế nào quả trở nên rõ ràng

Phần chính thứ tư này có hai phần:

A. Giai đoạn thực sự của giải thoát rất ráo như là quả

“Trước tiên người ta khai triển cái hiểu... sự phô diễn bình đẳng của ba thân.

B. Những giáo huấn trao truyền trực tiếp có những phân biệt rõ ràng, xác định không sai lầm những điểm then chốt

Phần này có bốn phần:

1. Một phân biệt rõ ràng giữa tâm bình thường và trí huệ vốn sẵn

“Hồi đũa con của dòng giống cao cả, đặc tính của tâm bình thường... tánh giác vốn sẵn và toàn khắp.

2. Một phân biệt rõ ràng giữa thức ý niệm hóa và trí huệ siêu việt

“Từ ‘thức ý niệm hóa’... từ ‘trí huệ siêu việt tỏa khắp’ được dùng.

3. Một phân biệt rõ ràng giữa thức phiêu dạt và trí huệ nguyên sơ

“Từ ‘thức phiêu dạt’... trí huệ nguyên sơ bình đẳng vốn thanh tịnh.

4. Một phân biệt rõ ràng giữa nền tảng của mọi kinh nghiệm bình thường (a lại da) và pháp thân

Phần này có hai phần nhỏ:

a) Sự phân biệt thực sự rõ ràng

“Do không nhận biết tánh giác vốn sẵn của nền tảng của hiện thể... sự tỏa sáng hướng ra ngoài của sự không nhận biết này.

b) Một tóm tắt những điểm then chốt

“Đã hiểu như vậy... ngài biến vào không gian căn bản

của thật tánh của thực tại.

PHẦN BA: KẾT LUẬN

Bản văn này được viết để đáp ứng... đã biên tập bản thảo một cách tỉ mỉ.

Với đoạn này đoạn văn được kết thúc.

Phân Tích và Phác Họa Cơ Cấu này được viết bởi Jigdral Yeshe Dorje (Đức Ngài Dudjom Rinpoche)¹ để đáp ứng một lời yêu cầu của vị thầy Thubtan Gyaltsan để giúp cho dễ hiểu trong việc giảng dạy khi ông làm giám đốc giáo huấn.

1 Trong Ghi Chú của dịch giả Richard Barron, có nói Đức Ngài Dudjom Rinpoche (1904-1987) là tái sanh của Dudjom Lingpa, vị tác giả của cuốn sách này.



Chương trình ấn tống sách điện tử do quỹ Liên Hoa Quang (lienhoaquang.com) với sự trợ giúp của NXB Thiện Tri Thức. Xin tùy hỷ công đức tất cả bè bạn gần xa ủng hộ, đóng góp cho chương trình này.

Nguyện đem công đức này xin hồi hướng cho tất cả hữu tình chúng sinh trọn viên thành Phật Đạo.



ཡི་གེ་ཉི་ཤུ་རྩ་བུ་གྲག་པ་འདི་དཔེ་ཆ་ཡི་ནང་ལུ་བཞག་ན་དཔེ་ཆ་དེ་ཅི་འདྲར་
བཞག་མཁས་ཀྱང་ཉེས་པ་མི་འབྱུང་བར་འཇམ་དཔལ་རྩ་རྒྱུད་ལས་གསུངས་སོ།།

